



NGUYỄN MINH THUYẾT (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên)
ĐẶNG KIM NGA (đồng Chủ biên) – HOÀNG HOÀ BÌNH
VŨ TRỌNG ĐÔNG – NGUYỄN THỊ TỐ NINH – ĐẶNG THỊ YẾN

Tiếng Việt

4

TẬP HAI

SÁCH GIÁO VIÊN



NHÀ XUẤT BẢN
ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP HỒ CHÍ MINH



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
XUẤT BẢN - THIẾT BỊ GIÁO DỤC VIỆT NAM

Đọc bản mới nhất trên hoc10.vn

Bản mẫu

NGUYỄN MINH THUYẾT (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên)
ĐẶNG KIM NGÀ (đồng Chủ biên) – HOÀNG HOÀ BÌNH
VŨ TRỌNG ĐÔNG – NGUYỄN THỊ TỔ NINH – ĐẶNG THỊ YẾN

Tiếng Việt

4

TẬP HAI

SÁCH GIÁO VIÊN



NHÀ XUẤT BẢN
ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP HỒ CHÍ MINH



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
XUẤT BẢN – THIẾT BỊ GIÁO DỤC VIỆT NAM



BÀI 11: TRÁI TIM YÊU THƯƠNG CHIA SẺ VỀ CHỦ ĐIỂM

(10 phút)

1. Thảo luận nhóm

- GV mời 3 HS đọc 3 CH; giao nhiệm vụ cho cả lớp: nghe (hoặc đọc lời) bài hát (hoặc quan sát các bức tranh), thảo luận nhóm đôi, trả lời các CH.
- HS thảo luận nhóm đôi, thống nhất cách trả lời.
- GV theo dõi, giải đáp thắc mắc của HS về CH, nếu có HS chưa hiểu.

2. Báo cáo kết quả thảo luận nhóm

- GV mời một số HS trả lời CH. Có thể thực hiện bằng trò chơi phỏng vấn.
- Đáp án:
 - (1) *Hình ảnh quả bầu, quả bí trong bài hát gợi cho em nghĩ đến ai? (Hình ảnh những quả ấy gợi cho em nghĩ tới những người trong cộng đồng.)*
 - (2) *Em hiểu từ “giàn” trong bài hát có ý nghĩa gì? (Từ “giàn” trong bài hát có nghĩa là một địa điểm (như chung cư, khu phố, xóm làng), nói rộng ra là quê hương, đất nước.)*
 - (3) *Bài hát khuyên ta điều gì? (Bài hát khuyên những người sống trong một cộng đồng phải thương yêu, đùm bọc lẫn nhau.)*

- Sau mỗi ý kiến, GV mời các HS khác góp ý, bổ sung. HS đổi vai chia sẻ.
- GV nhận xét và khen những nhóm thảo luận tốt.

3. Giáo viên giới thiệu chủ điểm và Bài đọc 1

Bài hát mà các em vừa nghe (đọc) khuyên những người sống trong một cộng đồng phải yêu thương, đùm bọc lẫn nhau. Lời khuyên đó thể hiện lòng nhân ái – một nét đẹp truyền thống của người Việt Nam. Các bài học trong chủ điểm *Trái tim yêu thương* sẽ giúp các em hiểu thêm những biểu hiện và giá trị của lòng nhân ái.

MÓN QUÀ

(60 phút)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**1. Phát triển các năng lực đặc thù****1.1. Phát triển năng lực ngôn ngữ**

– Đọc thành tiếng trôi chảy toàn bài. Phát âm đúng các từ ngữ có âm, vần, thanh mà HS địa phương dễ viết sai, ngắt nghỉ hơi đúng; giọng đọc trầm ấm, thể hiện sự suy tư, nhấn giọng phù hợp với nhân vật trong khi đọc lời kể chuyện. Tốc độ đọc khoảng 85 – 90 tiếng / phút. Đọc thầm nhanh hơn học kì I.

– Hiểu nghĩa các từ ngữ trong bài. Hiểu ý nghĩa của câu chuyện: Ca ngợi tấm lòng nhân ái của bạn Chi. Chính sự yêu thương, cảm thông, chia sẻ của Chi là niềm vui, là sợi dây gắn kết tình bạn.

1.2. Phát triển năng lực văn học

Biết bày tỏ sự yêu thích với một số từ ngữ hay, chi tiết giàu cảm xúc.

2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất

Phát triển năng lực (NL) giao tiếp và hợp tác (biết cùng các bạn thảo luận nhóm); NL tự chủ và tự học (biết tự giải quyết nhiệm vụ học tập; biết phân tích, lựa chọn và xử lí tình huống). Góp phần bồi dưỡng tình yêu thương, sự cảm thông, thấu hiểu giữa con người với con người.

II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**1. Giới thiệu bài**

Mở đầu Bài 11 với chủ điểm *Trái tim yêu thương*, chúng ta sẽ tìm hiểu bài đọc *Món quà*. Đó là câu chuyện về một bạn nhỏ tốt bụng, đáng yêu, biết quan tâm tới bạn bè. Bạn nhỏ đó là ai? Món quà của bạn có gì đặc biệt? Bài đọc hôm nay sẽ giúp các em trả lời những CH ấy.

2. HD 1: Đọc thành tiếng

– GV đọc mẫu truyện *Món quà*, giọng đọc thể hiện sự suy tư, trầm trồ của nhân vật Chi; nhấn giọng phù hợp ở những câu thoại của nhân vật. GV hướng dẫn HS giải nghĩa từ ngữ khó (*bối rối, xoay xở, đắn đo,...*).

– Tổ chức cho HS luyện đọc như đã hướng dẫn ở các bài trước.

3. HD 2: Đọc hiểu

– GV mời 5 HS tiếp nối nhau đọc to, rõ 5 CH. Cả lớp đọc thầm theo.

– GV giao nhiệm vụ cho HS đọc thầm bài đọc, thảo luận nhóm theo các CH để tìm hiểu bài. GV có thể chọn các biện pháp kĩ thuật khác nhau: thảo luận nhóm đôi, mảnh ghép, khăn trải bàn,...

– HS báo cáo kết quả theo một trong các biện pháp kĩ thuật khác nhau theo yêu cầu của GV (thực hiện trò chơi phỏng vấn, truyền điện,...).

– Đáp án:

(1) *Chi định tặng Vy món quà gì trong dịp sinh nhật? Vì sao?* (Chi định tặng Vy một cuốn từ điển nhân dịp sinh nhật, vì tình cờ Chi nghe được lời tâm sự của Vy: “Vy thích lật từng trang từ điển hơn là tra nghĩa trên máy tính.”.)

(2) *Chi đã làm thế nào để có đủ tiền mua món quà Vy yêu thích?* (Chi đã xin phép má cho mổ con heo đất, vì chưa đủ nên Chi vay má thêm mười ngàn đồng.)

(3) *Vì sao Chi không thực hiện được dự định tặng Vy món quà đó?* (Vi trước ngày sinh nhật Vy, Chi đã quyên góp số tiền định mua quà tặng Vy để giúp Thư chữa bệnh. Thư phải mổ ruột thừa, nhà Thư nghèo nên cô giáo và cả lớp đã mở đợt quyên góp nhanh để đỡ một phần viện phí cho Thư.)

(4) *Nếu là Vy, khi biết việc làm của Chi và nhận chiếc móc khóa do Chi tặng, em sẽ nói gì với bạn?* (HS có thể trả lời theo cách riêng của mình. GV tôn trọng sự khác biệt, đồng thời gợi ý, định hướng để câu trả lời của HS thể hiện lòng nhân ái. Chẳng hạn: Minh cảm ơn bạn. / Dù không có cuốn từ điển nhưng chiếc móc khóa này nhắc mình nhớ đến việc làm tốt của bạn. Minh rất vui. /...)

(5) *Nếu được đề nghị nói một câu về Chi, em sẽ nói gì?* (HS có thể trả lời theo cách riêng của mình. GV tôn trọng sự khác biệt, đồng thời gợi ý, định hướng để câu trả lời của HS thể hiện sự đồng tình, cảm kích trước hành động nhân ái. Chẳng hạn: Chi là người bạn tốt. / Chi là người có trái tim nhân hậu. / Chi là người biết cảm thông, chia sẻ với bạn lúc khó khăn. /...)

– GV mời HS nhận xét sau mỗi câu trả lời và nêu ý kiến của mình.

4. HD 3: Đọc nâng cao

GV hướng dẫn HS luyện tập, chú ý cách nghỉ hơi ở giữa các câu; nhấn mạnh các từ ngữ quan trọng (thể hiện sự suy tư, trăn trở của nhân vật Chi). Ví dụ (VD):

– *Mấy hôm nay, / Chi đang **rất bối rối**. // Tuần sau là đến sinh nhật Vy / – nhờ bạn rất thân của Chi rồi. // Chi **nghĩ mãi** mà chẳng biết tặng Vy cái gì.*

– *Nhà Thư **nghèo** / nên khi Thư bị bệnh **bất ngờ** thế này / chắc ba má bạn **không xoay xở** kịp. // Cô chủ nhiệm và cả lớp / quyết định mở đợt quyên góp nhanh / để đỡ dần một phần viện phí cho Thư. // Tự nhiên lúc đó, / Chi **nhớ tới** sinh nhật Vy, / **nhớ tới** quyển từ điển / vẫn còn nằm trong nhà sách.*

5. Củng cố, dặn dò

- GV nhận xét tiết học, khen ngợi, biểu dương những HS học tốt.
- GV nhắc HS về nhà tự đọc sách báo như hướng dẫn trong SGK; chuẩn bị cho tiết học *Tra từ điển*. Mỗi HS cần chuẩn bị một quyển *Từ điển tiếng Việt* hoặc *Sổ tay từ ngữ Tiếng Việt 4* (NXB Đại học Huế) để tìm nghĩa của 1 – 2 từ trong bài đọc.

TỰ ĐỌC SÁCH BÁO

(HS thực hiện ở nhà)

1. GV nêu nhiệm vụ cho HS tự đọc sách báo ở nhà theo yêu cầu đã nêu trong SGK.

- Về nội dung bài đọc: bài đọc có nội dung về lòng nhân ái.
- Về loại văn bản: truyện, thơ, văn miêu tả, văn bản thông tin.
- Về số lượng: 2 câu chuyện (hoặc 1 câu chuyện, 1 bài thơ), 1 bài văn (bài báo) miêu tả hoặc cung cấp thông tin.
- Ghi vào phiếu đọc sách:
 - + Tên bài đọc.
 - + Một số nội dung chính: nhân vật, sự việc, hình ảnh, câu văn em thích.
 - + Cảm nghĩ của em.

2. Lưu ý:

- HS có thể tìm các truyện đọc phù hợp với chủ điểm trong sách *Truyện đọc lớp 4* (NXB Đại học Quốc gia Hà Nội).
- GV (hoặc nhà trường) dựa theo yêu cầu tự đọc sách báo, thiết kế Phiếu tự đọc sách báo để HS tiện sử dụng.

BÀI VIẾT 1

LUYỆN TẬP VIẾT THƯ THĂM HỎI

(Mở đầu và kết thúc bức thư)

(1 tiết)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Phát triển các năng lực đặc thù

1.1. Phát triển năng lực ngôn ngữ

Dựa theo dàn ý bức thư đã lập để viết lời chào và đoạn văn mở đầu, lời chúc ở phần cuối bức thư thăm hỏi người thân (thầy cô, bạn bè hoặc người khác). Bài viết mắc ít lỗi diễn đạt, chính tả, ngữ pháp.

1.2. Phát triển năng lực văn học

Biết lựa chọn, sử dụng từ ngữ (từ ngữ xưng hô, lời chào, lời chúc), dấu câu thích hợp để thể hiện tình cảm, cảm xúc phù hợp với mối quan hệ của mình với người nhận thư.

2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất

Phát triển NL giao tiếp và hợp tác (biết cách thể hiện tình cảm, cảm xúc một cách tế nhị); NL tự chủ và tự học (biết tự giải quyết nhiệm vụ học tập); NL giải quyết vấn đề và sáng tạo (biết vận dụng những điều đã học để viết các phần mở đầu và kết thúc bức thư, qua đó thể hiện một cách phù hợp tình cảm, cảm xúc của mình). Bồi dưỡng lòng nhân ái (biết quan tâm và bày tỏ tình cảm chân thành với người thân).

II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

1. Giới thiệu bài

GV có thể chọn 1 trong 2 cách sau:

(1) Ở lớp 3, các em đã tập viết một số bức thư đơn giản. Lên lớp 4, các em lại được luyện tập thêm về thể loại này để có cơ hội phát triển khả năng viết văn và tư duy sáng tạo của mình. Hơn nữa, ngoài mục đích thăm hỏi thông thường, lên lớp 4, lá thư mà các em viết còn mang một thông điệp lớn hơn – thông điệp về sự cảm thông, chia sẻ và yêu thương trong cuộc sống. Tiết học hôm nay, chúng ta dựa vào dàn ý đã lập ở Bài 9 để viết lời chào và đoạn văn mở đầu, lời chúc (ở phần cuối) bức thư để diễn tả những tình cảm, cảm xúc mang thông điệp về lòng nhân ái.

(2) Ở Bài 9, các em đã tìm ý và lập dàn ý cho bài văn viết thư. Bài học hôm nay, các em sẽ dựa trên dàn ý đã hoàn thiện ở tiết học trước để viết lời chào và đoạn văn mở đầu, lời chúc ở phần cuối bức thư sao cho đoạn văn của mình mang thông điệp về lòng nhân ái nhé!

2. HĐ 1: Chuẩn bị (thực hiện nhanh)

– GV mời 2 HS nối tiếp nhau đọc 2 yêu cầu của BT và phần gợi ý, cả lớp đọc thầm theo.

– GV giao nhiệm vụ cho HS: Thảo luận nhóm, trả lời các CH sau:

(1) Đề bài yêu cầu chúng ta làm gì? (Đề bài yêu cầu viết lời chào và đoạn văn mở đầu, lời chúc ở phần cuối bức thư theo dàn ý đã lập ở Bài 9.)

(2) Theo gợi ý từ Quy tắc bàn tay, chúng ta cần làm gì? (Chúng ta cần dựa vào dàn ý đã lập để viết lời chào và đoạn văn mở đầu, lời chúc ở phần cuối bức thư. Sau khi viết xong, ta cần đọc lại, hoàn thiện bài viết.)

– GV chia nhóm cho HS trao đổi.

+ GV chiếu đề bài lên bảng, mời 1 – 2 HS nói lại những nội dung cơ bản trong phần mở đầu của dàn ý đã chuẩn bị.

+ HS thảo luận nhóm đôi theo gợi ý; điều chỉnh, bổ sung những thông tin phù hợp với yêu cầu của đề (nếu có). VD:

a) *Em xưng hô và chào thế nào cho phù hợp với mối quan hệ và tình cảm của mình?* (HS nêu cách lựa chọn của mình, GV tôn trọng sự khác biệt, gợi ý, định hướng để sự lựa chọn của HS vừa phù hợp với mối quan hệ vừa thể hiện được tình cảm của người viết thư. VD: Với thầy cô và người lớn tuổi thì dùng từ thể hiện sự kính trọng (kính mến, kính yêu,...)

b) *Ở đoạn văn mở đầu, em cần viết gì:*

• *Nếu người nhận thư là người thân (thầy cô, bạn bè,...)?* (HS nêu ý kiến cá nhân. VD: Ngoài lời chào, có thể tự giới thiệu, nếu em không thường xuyên gặp hoặc không thường xuyên trao đổi thư từ với người nhận thư; nêu lí do viết thư.)

• *Nếu người nhận thư là người em muốn làm quen (một vận động viên hoặc một bạn nhỏ vừa đạt thành tích xuất sắc, một bạn nhỏ có hoàn cảnh khó khăn,...)?* (HS nêu ý kiến cá nhân. VD: Ngoài lời chào, cần tự giới thiệu ngắn gọn về bản thân và nêu lí do viết thư.)

c) *Em viết lời chúc thế nào cho phù hợp với mối quan hệ và tình cảm của mình?* (HS nêu ý kiến cá nhân. VD: Với thầy cô thì ngoài lời chúc sức khỏe, có thể có thêm lời chúc đạt nhiều kết quả tốt trong công việc,...; với bạn bè có thể có thêm lời chúc về sự quyết tâm phấn đấu trong học tập; với người bạn có hoàn cảnh khó khăn có thể thêm lời chúc và niềm tin về ý chí, nghị lực vượt qua khó khăn,...)

3. HD 2: Viết mở đầu, kết thúc bức thư

– HS viết bài vào VBT (hoặc vở ô li); trang trí, tô màu hoặc gắn tranh ảnh cho bài viết.

– GV theo dõi, hỗ trợ HS; phát hiện những bài viết hay, sáng tạo.

4. HD 3: Giới thiệu bài viết

– GV mời một số HS tiếp nối nhau đọc bài viết của mình – chú ý chọn bài đủ các mức độ từ thấp đến cao. (GV có thể chiếu bài viết để HS khác dễ quan sát, dễ nhận xét.)

– GV và HS phân tích, đánh giá, bình chọn một số bài viết hay.

– GV khen ngợi, biểu dương HS; dặn HS về đọc bài viết của mình cho người thân nghe.

NÓI VÀ NGHE

KỂ CHUYỆN: GIẾNG NƯỚC CỦA RAI-ÂN

(1 tiết)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Phát triển các năng lực đặc thù

1.1. Phát triển năng lực ngôn ngữ

– Dựa vào lời kể của GV và gợi ý trong SGK, kể lại được câu chuyện *Giếng nước của Rai-ân*.

– Lắng nghe bạn kể, biết ghi chép thắc mắc, nhận xét, phát biểu đánh giá lời kể của bạn.

– Biết trao đổi cùng các bạn về nội dung câu chuyện; hiểu ý nghĩa của câu chuyện: Lòng nhân ái của mỗi người sẽ làm cho cuộc sống ngày một tốt đẹp hơn.

1.2. Phát triển năng lực văn học

– Biết kết hợp lời kể với cử chỉ, điệu bộ, nét mặt,... trong khi kể chuyện.

– Biết bày tỏ sự yêu thích các chi tiết thú vị trong câu chuyện.

2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất

Phát triển NL giao tiếp và hợp tác: biết kể chuyện, trao đổi cùng các bạn một cách chủ động, tự nhiên, tự tin; biết ghi chép, thể hiện phép lịch sự trong giao tiếp (nhìn vào mắt người cùng trò chuyện, biết lắng nghe và biết nhường lời,...). Bồi dưỡng ý thức chăm chỉ, tình yêu thương mọi người.

II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

1. Giới thiệu bài

Các em đã biết đến tấm lòng nhân ái của bạn Chi qua bài đọc *Món quà*; các em cũng đã biết thể hiện sự quan tâm đến người thân và những người xung quanh qua tiết luyện tập viết thư thăm hỏi. Tiết kể chuyện hôm nay, cô (thầy) giới thiệu với các em về lòng yêu thương, sự chia sẻ với các bạn châu Phi của cậu bé Rai-ân ở đất nước Ca-na-đa xa xôi.

2. HD 1: Nghe kể chuyện

– GV kể lần 1, kết hợp giải nghĩa từ khó (nếu cần); viết các tên riêng nước ngoài lên bảng để HS dễ theo dõi. Có thể nêu một số CH định hướng chú ý của HS.

– GV chỉ tranh, kể lần 2, 3 (hoặc chiếu video clip, nếu có).

3. HD 2: Kể chuyện

3.1. Kể chuyện trong nhóm

– 1 HS đọc yêu cầu của BT 1, cả lớp đọc thầm theo.

– GV giúp HS hiểu nhiệm vụ: Dựa theo gợi ý, kể lại đầy đủ câu chuyện.

GV có thể mời một số HS hỏi đáp, trả lời (nhANH) các CH gợi ý để nắm được ý chính:

(1) *Vì sao Rai-ân quyết tâm tặng các bạn nhỏ châu Phi một giếng nước?* (Vì Rai-ân thường được nghe cô giáo kể: “Ở châu Phi, nhiều nơi không có nước sạch để dùng. Vì thế mà nhiều người đã chết vì sử dụng nguồn nước ô nhiễm”; Rai-ân rất thương các bạn nhỏ ở châu Phi xa xôi.)

(2) *Rai-ân dành dụm tiền bằng cách nào?* (Rai-ân dành dụm tiền bằng cách tiết kiệm số tiền kiếm được từ những việc làm nhỏ bé như thu gom rác cho tổ dân phố, tía cây cho hàng xóm,...)

(3) *Chi tiết nào cho thấy Rai-ân quyết tâm thực hiện mong muốn của mình?* (Sau bốn tháng làm việc chăm chỉ, Rai-ân dành dụm được 70 đô la, nhưng sau đó, Rai-ân được biết rằng để đào một cái giếng cần 2 000 đô la. Cậu đã không nản lòng mà vẫn quyết tâm làm việc chăm chỉ, sau một năm thì cậu đã dành dụm đủ số tiền 2 000 đô la.)

(4) *Hành động của Rai-ân đã cuốn hút mọi người tham gia như thế nào?* (Hành động của Rai-ân đã cuốn hút rất nhiều người quan tâm. Tổ chức “Giếng nước của Rai-ân” ra đời đã quyên góp được 750 000 đô la, tặng 30 giếng cho 8 nước ở châu Phi.)

– HS kể chuyện trong nhóm đôi theo mức độ khó dần: kể nối tiếp theo từng đoạn (mỗi HS kể 1 đoạn); kể nối tiếp 2 đoạn (mỗi HS kể 2 đoạn). HS đổi vai kể chuyện.

– HS kể toàn bộ câu chuyện.

– GV theo dõi, giúp đỡ HS thực hiện đúng YC của BT.

3.2. Kể chuyện trước lớp

– HS xung phong kể toàn bộ (hoặc một đoạn của câu chuyện).

– Các HS khác và GV góp ý.

– 1 – 2 HS khá, giỏi kể lại toàn bộ câu chuyện.

4. HĐ 3: Trao đổi về câu chuyện

– 1 HS đọc YC của BT 2.

– HS làm việc độc lập hoặc thảo luận nhóm đôi.

– 2 – 3 HS phát biểu ý kiến:

a) *Hành động của cậu bé Rai-ân có ý nghĩa như thế nào?* (HS phát biểu theo suy nghĩ riêng. VD: Hành động của Rai-ân thể hiện lòng nhân ái. / Hành động của Rai-ân như một lời kêu gọi sự quan tâm và giúp đỡ những người gặp khó khăn ở khắp nơi trên thế giới. / ...)

b) *Em thích điều gì ở tính cách của Rai-ân?* (HS phát biểu theo suy nghĩ riêng. VD: thích lòng nhân ái; thích tính kiên trì; thích sự chăm chỉ; thích sự kiên định, quyết tâm theo đuổi ước mơ,...)

– Sau mỗi ý kiến hoặc một vài ý kiến, GV mời các HS khác góp ý.

– GV có thể nêu ý kiến cá nhân hoặc tổng kết ý kiến của cả lớp để HS hiểu đúng.

Chú ý kiểm tra, hướng dẫn HS ghi chép trong khi nghe kể chuyện và thảo luận.

Dưới đây là văn bản truyện:

Giếng nước của Rai-ân

1. Rai-ân là một cậu bé người Ca-na-đa. Hồi em học lớp 1, cô giáo thường kể cho cả lớp nghe về các nước châu Phi: “Ở châu Phi, nhiều nơi không có nước sạch để dùng. Vì thế mà nhiều người đã chết vì sử dụng nguồn nước ô nhiễm.”. Nghe cô giáo kể, Rai-ân rất thương các bạn nhỏ ở châu Phi xa xôi. Cậu bé hạ quyết tâm tặng các bạn một giếng nước.

2. Rai-ân bắt đầu làm việc chăm chỉ và dành dụm số tiền mình kiếm được từ những việc nhỏ bé như thu gom rác cho tổ dân phố, tía cây cho hàng xóm,... Bốn tháng sau, Rai-ân tiết kiệm được 70 đô la và gửi cho quỹ quyên góp quốc tế.

3. Nhưng sau đó, Rai-ân được biết rằng để làm một cái giếng, cần 2 000 đô la. Không nản lòng, Rai-ân lại tiếp tục cố gắng làm việc chăm chỉ. Một năm sau, cậu bé dành dụm đủ 2 000 đô la và quyên góp nó cho quỹ.

4. Hành động của Rai-ân như lời kêu gọi sự quan tâm và giúp đỡ những người gặp khó khăn ở khắp nơi trên thế giới. Năm năm sau, ước mơ của Rai-ân đã trở thành ước mơ chung của nhiều người. Tổ chức “Giếng nước của Rai-ân” ra đời đã quyên góp được 750 000 đô la, tặng 30 giếng cho 8 nước ở châu Phi.

Theo báo Tuổi trẻ

BÀI ĐỌC 2

BUỔI HỌC CUỐI CÙNG

(1 tiết)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Phát triển các năng lực đặc thù

1.1. Phát triển năng lực ngôn ngữ

– Đọc thành tiếng trôi chảy toàn bài. Phát âm đúng các từ ngữ có âm, vần, thanh mà HS địa phương dễ viết sai. Ngắt nghỉ hơi đúng; thể hiện được tình cảm, cảm xúc phù hợp với nội dung bài đọc. Tốc độ đọc khoảng 85 – 90 tiếng / phút. Đọc thầm nhanh hơn học kì I.

– Hiểu nghĩa của các từ ngữ khó trong bài. Trả lời được các CH về nội dung bài. Hiểu nội dung và ý nghĩa của bài: Bài thơ nói về cảm xúc của học sinh trong buổi học cuối cùng với cô giáo trước khi cô nghỉ hưu, thể hiện tình yêu thương cô và mong muốn chăm, ngoan hơn để cô vui lòng.

1.2. Phát triển năng lực văn học

Chia sẻ được với bạn cảm xúc của bản thân về những hình ảnh đẹp, chi tiết thú vị trong bài đọc.

2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất

Phát triển NL giao tiếp và hợp tác (biết cùng các bạn thảo luận nhóm); NL tự chủ và tự học (biết tự giải quyết nhiệm vụ học tập: trả lời các CH đọc hiểu bài). Góp phần bồi dưỡng lòng nhân ái (tình yêu thương, lòng biết ơn,...).

II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

1. Giới thiệu bài

GV giao nhiệm vụ: HS đọc tên bài và quan sát hình minh hoạ trong bài.

Các em đã đi qua nửa chặng đường của lớp 4. Các em cũng được trải nghiệm cảm xúc của mình với nhiều buổi học cuối cùng – khi chúng ta tạm biệt trường mầm non; khi chúng ta tạm chia tay thầy cô giáo lớp 1, lớp 2, lớp 3 để nghỉ hè;... Trong tiết học này, chúng ta sẽ đọc bài *Buổi học cuối cùng* – bài thơ nói về một buổi chia tay đặc biệt và rất xúc động.

2. HD 1: Đọc thành tiếng

– GV đọc mẫu bài *Buổi học cuối cùng*, giọng đọc trầm, thể hiện sự xúc động, nuối tiếc, ân hận,... Nhấn giọng, gây ấn tượng ở những từ ngữ gợi tả, gợi cảm xúc tiếc nuối đến nghẹn ngào: *Buổi học cuối cùng, bỗng (trang nghiêm), bàn con trai, bàn con gái, cũng (nơ hồng), vẫn, sao,...* Giọng đọc chậm rãi, xúc động ở câu mở đầu các khổ thơ (1), (2), (3) và 2 câu cuối của bài thơ. GV kết hợp với HS giải nghĩa từ ngữ khó: *về hưu, hoa râu,...* và những từ ngữ khác mà HS chưa hiểu (nếu có).

– Tổ chức cho HS luyện đọc như đã hướng dẫn ở các bài trước.

3. HD 2: Đọc hiểu

– GV mời 4 HS tiếp nối nhau đọc to, rõ 4 CH trong SGK. Cả lớp đọc thầm theo.

– GV giao nhiệm vụ cho HS đọc thầm bài đọc, thảo luận nhóm theo các CH tìm hiểu bài. GV có thể chọn các biện pháp kĩ thuật khác nhau: thảo luận nhóm đôi, “mảnh ghép”, “khăn trải bàn”,...

– HS báo cáo kết quả (theo các biện pháp kĩ thuật mà GV chọn).

(1) *Vì sao lớp học bỗng trở nên trang nghiêm hơn trước?* (Vì đây là buổi học cuối cùng các bạn HS được học với cô giáo: từ ngày mai, cô giáo nghỉ hưu.)

(2) *Điều gì ở cô giáo khiến các bạn học sinh xúc động?* (Các bạn học sinh xúc động trước hình ảnh và tấm lòng tận tụy của cô giáo (thể hiện qua hình ảnh, chi tiết: mái tóc hoa râu, bàn tay xương gầy dính đầy phấn trắng, giọng nói êm êm, nụ cười tươi và hiền như giọt nắng,...).)

(3) Em hiểu dòng cuối khổ thơ 2 là một lời tự hỏi hay tự trách? (Dòng cuối khổ thơ 2 là một lời tự trách, thể hiện sự ân hận của các bạn học sinh.)

(4) Hai dòng thơ cuối bài muốn nói với em điều gì? (HS trình bày ý kiến của mình. GV nhận xét, gợi ý, định hướng đề câu trả lời của HS hướng đến mục tiêu của bài học: Tình yêu thương và sự biết ơn dành cho cô giáo. VD: Với hai dòng thơ cuối bài, tác giả muốn nói với chúng ta rằng: Thầy cô là người luôn yêu thương HS. Vì vậy, chúng ta cần thể hiện tình yêu thương và sự biết ơn thầy cô bằng cách chăm ngoan để mỗi khi nghĩ về thầy cô, chúng ta không phải ân hận, nuối tiếc về “những phút giây lười, nghịch” khiến thầy cô buồn.)

4. HD 3: Đọc nâng cao

GV mời 1 – 2 HS khá, giỏi đọc lại toàn bộ bài *Buổi học cuối cùng*; chú ý hướng dẫn HS ngắt nghỉ hơi đúng ở những câu văn dài, nhấn giọng từ ngữ quan trọng và thể hiện tình cảm, cảm xúc phù hợp khi đọc. VD: Giọng đọc da diết ở các câu mở đầu đoạn, nhấn giọng thể hiện sự đột ngột, tiếc nuối khi đọc những câu thơ có các từ *bỗng* (trang nghiêm), *bàn con trai*, *bàn con gái*, *cũng* (nơ hổng), *vẫn*, *sao*,...

5. Củng cố, dặn dò

- GV nhận xét tiết học, khen ngợi, biểu dương những HS học tốt.
- Dặn HS chuẩn bị một quyển *Từ điển tiếng Việt* hoặc *Sổ tay từ ngữ Tiếng Việt 4* (NXB Đại học Huế) cho tiết học sau.

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

TRA TỪ ĐIỂN

(1 tiết)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Phát triển các năng lực đặc thù

1.1. Phát triển năng lực ngôn ngữ

Hiểu được tác dụng của từ điển, cách sắp xếp từ trong từ điển. Bước đầu biết sử dụng từ điển để tìm nghĩa của từ, trên cơ sở đó, mở rộng vốn từ theo từng chủ điểm.

1.2. Phát triển năng lực văn học

Từ việc hiểu nghĩa của từ, HS bước đầu biết lựa chọn, sử dụng từ ngữ phù hợp và nhận biết những từ ngữ được dùng đúng, dùng hay trong các câu chuyện, bài thơ được học.

2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất

Phát triển NL giao tiếp và hợp tác (biết thảo luận nhóm về cách tra từ điển); phát triển NL tự chủ và tự học (biết tự giải quyết nhiệm vụ học tập: chủ động, tự tin sử dụng từ điển để tìm nghĩa của từ). Bồi dưỡng phẩm chất (PC) trách nhiệm (có ý thức trân trọng thành quả lao động của người đi trước; biết giữ gìn tài liệu, sách vở).

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

Sổ tay từ ngữ Tiếng Việt 4 (NXB Đại học Huế) hoặc *Từ điển tiếng Việt* (GV và mỗi HS đều có 1 quyển hoặc ít nhất GV có 1 quyển và HS có 1 quyển).

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

1. Giới thiệu bài

Trong khi đọc sách hay trao đổi cùng bạn bè, gặp một từ mà chúng ta không biết nghĩa của từ ấy, chúng ta phải làm gì? Tiết học hôm nay, cô (thầy) sẽ giới thiệu với các em một “người bạn” có thể giúp các em dễ dàng giải quyết những khó khăn trên. Đó chính là cuốn từ điển. Sau bài này, các em sẽ biết cách tra từ điển để tìm hiểu nghĩa của từ ngữ.

2. HĐ 1: Nêu tác dụng của từ điển (BT 1)

- GV mời 1 HS đọc BT 1.
- HS làm việc độc lập (cá nhân) để trả lời CH của BT 1.
- GV mời 1 – 2 HS trả lời CH trước lớp.
- GV tổ chức cho HS thực hiện trò chơi phỏng vấn để trả lời các CH.
- + Quyền *Từ điển tiếng Việt* được dùng để làm gì? Quyền *Từ điển tiếng Việt* dùng để tra nghĩa của từ tiếng Việt.
- + Quyền *Từ điển học sinh* được dùng để làm gì? Quyền sách này giúp học sinh tra nghĩa của từ ngữ chưa hiểu khi học (thường là từ ngữ trong SGK). Từ điển loại này nhỏ hơn cuốn *Từ điển tiếng Việt*.

– GV bổ sung: Người ta còn làm một loại từ điển nhỏ nữa là sổ tay từ ngữ tiếng Việt của một lớp nhất định (VD: *Sổ tay từ ngữ Tiếng Việt 4* của NXB Đại học Huế). Sách này chỉ tập hợp các từ ngữ trong SGK *Tiếng Việt 4* (Cánh Diều); do đó, HS sử dụng thuận lợi hơn là sử dụng một quyển từ điển dày hàng nghìn trang hoặc vài trăm trang.

3. HĐ 2: Tìm hiểu cách sắp xếp từ trong từ điển (BT 2)

- HS thảo luận nhóm đôi, trả lời CH trong BT 2 (*Các từ trong quyển từ điển được sắp xếp theo thứ tự nào?*).
- Một số nhóm nêu ý kiến (có thể dùng hình thức phỏng vấn).

- Cả lớp trao đổi thêm, GV chốt câu trả lời đúng.
- Đáp án:
 - + Các từ trong quyển từ điển này được sắp xếp theo thứ tự abc (thứ tự trước sau trong bảng chữ cái) của những chữ cái mở đầu từ.
 - + Các từ cùng vần trong một mục từ được xếp theo thứ tự dấu thanh (*không dấu, dấu huyền, dấu hỏi, dấu ngã, dấu sắc, dấu nặng*).
- GV mời 1 – 2 HS đọc to *Quy ước* trong SGK. Các HS khác đọc thầm theo.
- GV cho HS thảo luận nhóm để hiểu và nhớ quy ước của từ điển.

4. HĐ 3: Tìm các từ trong từ điển (BT 3)

- GV yêu cầu HS tự đọc thầm và làm BT 3. Các từ trong BT này được chọn trong bài đọc *Buổi học cuối cùng* (mà tiết trước HS vừa học), bao gồm:
 - + Những từ có chữ cái mở đầu khác nhau: A, B, N.
 - + Những từ có chữ cái mở đầu giống nhau nhưng chữ cái thứ 2 và thứ 3 khác nhau: NG, NGH, NH.
- GV hướng dẫn / làm mẫu với 1 – 2 từ, giúp HS trả lời CH sau:
 - (1) *Làm thế nào để tìm khoảng xuất hiện của một từ trong từ điển?* Cần tìm từ theo chữ cái đầu tiên trong từ. Do vậy, phải học thuộc bảng chữ cái theo thứ tự abc. Khi tra từ điển, ta dựa vào thứ tự các chữ cái để tìm khoảng xuất hiện của từ.
 - (2) *Khi giờ từ điển ra, chưa thấy mục từ cần tìm thì làm gì tiếp theo?* Trước hết, xem mục từ vừa mở ra đứng trước hay sau mục từ cần tìm (theo thứ tự abc) rồi quyết định tìm ở các trang trước hay sau.

VD: Tìm từ *ngịch* và từ *nhận biết*:

- + Tìm khoảng xuất hiện của mục N. Nếu mở từ điển vào mục M thì cần tiếp tục mở các trang sau vì mục N đứng sau mục M. Ngược lại, nếu mở từ điển vào mục O thì cần mở lại các trang trước vì mục O đứng sau mục N.
- + Nếu 2 từ cần tra cùng mục thì ta tìm theo thứ tự abc của chữ cái thứ 2 trong từ. Chẳng hạn: Khi tra được từ *nhận biết* rồi, nên tìm ở trang trước để tra được nghĩa của từ *ngịch* vì “g” đứng trước “h”.
- Một số HS báo cáo kết quả làm các BT còn lại (GV có thể áp dụng các kỹ thuật trò chơi, thi đấu,...).
- Các HS khác và GV nêu nhận xét, góp ý.

5. HĐ 4: Nêu nghĩa của một trong những từ vừa tìm được ở BT 3 (BT 4)

- HS vận dụng kết quả BT 3 để tìm nghĩa của từ.
- GV yêu cầu HS báo cáo kết quả.

– GV nhận xét và lưu ý: Khi tìm nghĩa của từ trong từ điển, chúng ta sẽ gặp hiện tượng một từ có nhiều nghĩa. Chúng ta cần chọn nghĩa của từ phù hợp với nội dung bài đọc (tức ngữ cảnh từ xuất hiện).

6. Củng cố, dặn dò

- GV nhận xét tiết học, khen ngợi, biểu dương những HS học tốt.
- GV nhắc HS về tra từ điển để tìm nghĩa của từ trong bài đọc đã học.

BÀI VIẾT 2

LUYỆN TẬP VIẾT THƯ THĂM HỎI

(Viết nội dung chính)

(1 tiết)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Phát triển các năng lực đặc thù

1.1. Phát triển năng lực ngôn ngữ

Viết được nội dung chính của bức thư thăm hỏi (viết lời thăm hỏi người nhận thư, một số thông tin vắn tắt về bản thân) phù hợp với tình huống giao tiếp. Chữ viết rõ ràng, đúng chính tả; dùng từ, đặt câu đúng ngữ pháp.

1.2. Phát triển năng lực văn học

Thể hiện được tình cảm dành cho người nhận thư qua cách sử dụng từ ngữ, cách diễn đạt lời hỏi thăm; thể hiện được sự khiêm tốn khi viết về bản thân,... Thể hiện được tình yêu thương / sự ngưỡng mộ / sự cảm thông, sẻ chia,... đối với người nhận thư.

2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất

Phát triển NL tự chủ và tự học và NL giao tiếp (tự giải quyết nhiệm vụ học tập: viết lời thăm hỏi người nhận thư và một số thông tin vắn tắt về bản thân). Bồi dưỡng lòng nhân ái (biết yêu thương, chia sẻ, động viên bạn bè lúc vui / buồn); bồi dưỡng đức tính khiêm tốn (biết cung cấp thông tin đúng mực về bản thân mình).

II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

1. Giới thiệu bài

Ở Bài viết 1, các em đã được luyện tập viết lời chào và đoạn mở đầu, lời chúc ở phần cuối bức thư thăm hỏi dựa trên dàn ý mà các em đã lập ở Bài 9. Hôm nay, vẫn dựa trên dàn ý đã hoàn thiện, các em sẽ viết lời thăm hỏi người nhận thư và một số thông tin vắn tắt về bản thân.

2. HD 1: Chuẩn bị

- GV mời 2 HS nối tiếp nhau đọc 2 BT và phần gợi ý; cả lớp đọc thầm theo.
- GV giao nhiệm vụ cho HS: Thảo luận nhóm, trả lời các CH sau:

(a) *Em cần viết nội dung thăm hỏi người nhận thư như thế nào cho phù hợp với mỗi tình huống nêu ở cột bên phải?*

(b) *Em cần viết những gì về tình hình của bản thân cho phù hợp với mỗi tình huống nêu ở cột bên phải?*

– GV có thể tổ chức thảo luận nhóm bằng kỹ thuật mảnh ghép: Chia lớp thành một số nhóm chuyên. Nhóm có số thứ tự lẻ trả lời CH (a); nhóm có số thứ tự chẵn trả lời CH (b). Sau đó, các thành viên nhóm chuyên trở lại nhóm ghép và thảo luận để trả lời cả 2 CH.

– GV hoặc MC mời 2 nhóm ghép trả lời CH, mỗi nhóm trả lời 1 CH; các nhóm khác bổ sung ý kiến. HS cần nêu nội dung thăm hỏi và kể về bản thân phù hợp với mỗi tình huống:

+ Nếu viết thư để chia sẻ tin vui thì cần hỏi thêm về tin vui đó, cảm nghĩ của người có tin vui và bày tỏ sự vui mừng của bản thân. Nếu viết thư để chia sẻ tin buồn thì cần hỏi thăm và động viên người có tin buồn, nhưng không nên hỏi chi tiết quá để tránh khơi lại nỗi buồn; đồng thời cần bày tỏ sự cảm thông, chia sẻ, động viên người có tin buồn. Nếu viết thư để hỏi thăm tình hình nói chung của người nhận thư vì đã lâu không gặp (hoặc vì mới viết thư làm quen) thì có thể hỏi thăm sức khỏe, đời sống của người nhận thư và bày tỏ tình cảm với người nhận thư.

+ Nếu viết thư để chia sẻ tin vui thì có thể kể một số tin vui hoặc không vui của bản thân. Nếu viết thư để chia sẻ tin buồn thì chỉ nói qua về tình hình chung của bản thân, không nên kể tin vui, trái ngược với hoàn cảnh của người nhận thư. Nếu viết thư để hỏi thăm tình hình nói chung của người nhận thư vì đã lâu không gặp (hoặc vì mới viết thư làm quen) thì có thể kể về tình hình chung của bản thân.

3. HD 2: Viết nội dung chính của bức thư

- HS viết bài vào VBT (hoặc vở ô li).
- GV theo dõi, hỗ trợ HS.

4. HD3: Giới thiệu bài viết

– GV mời một số HS nối tiếp nhau đọc bài viết của mình. (GV có thể chiếu bài viết của HS để HS khác dễ quan sát, dễ nhận xét.)

– GV và HS phân tích, đánh giá, bình chọn một số đoạn văn hay.

– GV khen ngợi, biểu dương HS; dặn HS về đọc đoạn văn của mình cho người thân nghe.

NHỮNG HẠT GẠO ÂN TÌNH

(2 tiết)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**1. Phát triển các năng lực đặc thù****1.1. Phát triển năng lực ngôn ngữ**

– Đọc thành tiếng trôi chảy toàn bài. Phát âm đúng các tên riêng nước ngoài *Cam-pu-chia*, *Pôn Pốt* và những từ ngữ có âm, vần, thanh HS địa phương dễ viết sai. Ngắt nghỉ hơi đúng. Tốc độ đọc khoảng 85 – 90 tiếng / phút. Đọc thầm nhanh hơn học kì I.

– Biết tra sổ tay từ ngữ (từ điển) để hiểu nghĩa của các từ ngữ khó trong bài. Hiểu ý nghĩa của bài: Kể về những năm tháng bộ đội Việt Nam làm nhiệm vụ quốc tế giúp người dân Cam-pu-chia thoát khỏi thảm họa diệt chủng; tình cảm quý mến, tin tưởng của nhân dân Cam-pu-chia dành cho bộ đội Việt Nam.

1.2. Phát triển năng lực văn học

Cảm nhận được nghĩa cử cao đẹp của bộ đội Việt Nam dành cho nhân dân Cam-pu-chia, tình cảm quý mến, tin tưởng của nhân dân Cam-pu-chia dành cho bộ đội Việt Nam; biết bày tỏ cảm nghĩ về một số chi tiết xúc động trong bài.

2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất

Phát triển NL hợp tác (biết cùng các bạn thảo luận nhóm); NL tự chủ (trả lời đúng các CH đọc hiểu). Bồi dưỡng PC yêu nước, nhân ái (trân trọng, tự hào về những đóng góp to lớn của bộ đội Việt Nam giúp đất nước và người dân Cam-pu-chia thoát khỏi thảm họa diệt chủng; về tình cảm tốt đẹp giữa bộ đội Việt Nam và nhân dân Cam-pu-chia).

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

Sổ tay từ ngữ Tiếng Việt 4 (NXB Đại học Huế) hoặc *Từ điển tiếng Việt*, *Vở bài tập Tiếng Việt 4*, tập hai.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**1. Giới thiệu bài**

Những hạt gạo ân tình là một câu chuyện xúc động kể về những ngày bộ đội Việt Nam sang giúp người dân Cam-pu-chia giải phóng đất nước khỏi thảm họa diệt chủng. Bài đọc cũng cho các em thấy tình cảm quý mến, tin tưởng của nhân dân Cam-pu-chia dành cho bộ đội Việt Nam.

2. HD 1: Đọc thành tiếng

– GV đọc mẫu toàn bài. Chú ý thể hiện các câu *Bộ đội đừng về! Pôn Pốt sẽ giết hết dân mất. Bộ đội có đi, cho dân đi cùng với!* bằng giọng đọc xúc động, tha thiết; thể hiện đoạn văn cuối bài bằng giọng vui, tình cảm.

– GV hướng dẫn HS đọc chú giải trong SGK để tìm hiểu nghĩa một số từ ngữ (*Hai Trí, chế độ diệt chủng Pôn Pốt, tiêu điều, chén, điu hiu*) và tập tra *Sổ tay từ ngữ Tiếng Việt 4* (hoặc từ điển) để tìm hiểu nghĩa một số từ ngữ khác (GV chọn từ khó dựa trên tình hình thực tế. VD: *hiếm hoi, xơ xác, gom góp*).

– Tổ chức cho HS luyện đọc như đã hướng dẫn ở các bài trước.

3. HD 2: Đọc hiểu

– GV mời 5 HS tiếp nối nhau đọc to, rõ 5 CH. Cả lớp đọc thầm theo.

– HS làm bài vào VBT, trả lời 4 CH. Riêng CH 5, HS nêu ý kiến cá nhân.

(1) *Đơn vị của ông Hai Trí hành quân sang nước bạn để làm gì?* (Đơn vị của ông Hai Trí hành quân sang nước bạn để giúp nhân dân Cam-pu-chia thoát khỏi chế độ diệt chủng Pôn Pốt.)

(2) *Đơn vị chứng kiến cảnh người dân nước bạn sống như thế nào?* (Làng mạc bị đốt phá tiêu điều; người dân đói khổ, xơ xác, rách rưới.) (HS nêu một số từ ngữ trong bài.)

(3) *Bộ đội Việt Nam đã làm gì để giúp những người dân mà họ gặp?* (Bộ đội lấy lương khô cho ông lão nằm gục bên đường; lấy gạo và thực phẩm mà bộ đội mang theo để nấu một bữa no cho dân; pha trà, chia lương khô và bánh kẹo cho mọi người; trò chuyện cùng họ.)

(4) *Tìm những chi tiết cho thấy người dân Cam-pu-chia rất tin tưởng và yêu quý bộ đội Việt Nam.* (HS nêu một số chi tiết. VD: Một ông lão ngồi ăn ngon lành thanh lương khô bộ đội cho và trò chuyện với bộ đội; thấy bộ đội Việt Nam, hơn 200 người cả già, trẻ, gái, trai chạy ra đón, họ vừa khóc vừa níu tay các anh, nói: *Bộ đội đừng về! Pôn Pốt sẽ giết hết dân mất. Bộ đội có đi, cho dân đi cùng với!*; dân làng gom góp được ba chén gạo để nấu cơm đãi cả đơn vị;...)

(5) *Những chi tiết, hình ảnh nào trong bài khiến em xúc động? Vì sao?*

HS nêu suy nghĩ cá nhân. VD:

+ Em thích chi tiết hơn 200 người cả già, trẻ, gái, trai chạy ra đón bộ đội Việt Nam. Vì chi tiết ấy cho thấy người dân Cam-pu-chia rất tin tưởng bộ đội Việt Nam, vô cùng mừng rỡ trước sự xuất hiện của bộ đội Việt Nam.

+ Em thích chi tiết dân làng gom góp được ba chén gạo để nấu cơm đãi cả đơn vị. Chi tiết này cho thấy nhân dân Cam-pu-chia rất quý mến bộ đội Việt Nam, đem những hạt gạo cuối cùng ra nấu cho bộ đội Việt Nam.

+ Em thích chi tiết bộ đội lấy gạo và thực phẩm mang theo để nấu một bữa no cho dân. Chi tiết này cho thấy bộ đội Việt Nam yêu thương người dân Cam-pu-chia như yêu thương đồng bào mình.

+ Em thích chi tiết ngôi làng đìu hiu và xơ xác trong phút chốc như trở thành ngày hội. Chi tiết này cho thấy bộ đội Việt Nam đã mang niềm vui, sự ấm áp đến cho người dân Cam-pu-chia.

– GV: Qua bài đọc, em hiểu điều gì? HS phát biểu. GV: Bài đọc cho thấy những đóng góp to lớn của bộ đội Việt Nam trong việc giúp đất nước và người dân Cam-pu-chia thoát khỏi thảm họa diệt chủng, đồng thời thể hiện tình cảm gắn bó giữa bộ đội Việt Nam và nhân dân Cam-pu-chia.

4. HĐ 3: Đọc nâng cao

GV hướng dẫn kĩ cách đọc một đoạn truyện (nên đọc đoạn cuối). Chú ý nhấn mạnh các từ ngữ quan trọng. VD:

Bữa ấy, / dân làng gom góp được ba chén gạo / để nấu cơm đãi cả đơn vị. // Nhìn những hạt gạo đã ngả màu, / mốc thối, / ông Hai Tri không sao cầm được nước mắt. // Ngay lập tức, / ban chỉ huy đơn vị cho lấy gạo và thực phẩm bộ đội mang theo / để nấu một bữa no cho dân. // Gạo những người lính mang theo từ Việt Nam / được đổ vào một cái nồi lớn bắc trên bếp giữa sân. // Lửa nổi lên. // Cơm sùng sục sôi trong ánh mắt mong chờ của bao nhiêu trẻ nhỏ, / cụ già,... // Sau đó, / bộ đội còn pha trà, / chia lương khô và bánh kẹo cho mọi người. // Ngôi làng đìu hiu và xơ xác / trong phút chốc như trở thành ngày hội.

BÀI VIẾT 3

LUYỆN TẬP VIẾT THƯ THĂM HỎI

(Thực hành viết)

(1 tiết)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Phát triển các năng lực đặc thù

1.1. Phát triển năng lực ngôn ngữ

Dựa trên dàn ý đã lập và kết quả luyện tập ở các tiết học trước, viết được bức thư thăm hỏi người thân (hoặc thầy cô, bạn bè, một người khác). Bức thư có cấu tạo hợp lí; chữ viết rõ ràng, đúng chính tả; câu văn đúng ngữ pháp.

1.2. Phát triển năng lực văn học

Thể hiện được tình cảm của bản thân dành cho người nhận thư qua cách sử dụng từ xưng hô, lời chào, lời chúc, lời hẹn,...

2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất

Phát triển NL tự chủ và tự học (tự giải quyết nhiệm vụ học tập); NL giao tiếp (biết cách giao tiếp qua bức thư). Bồi dưỡng PC nhân ái (biết yêu thương, chia sẻ, động viên,...) và đức tính khiêm tốn (nói về mình một cách đúng mực).

II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

1. Giới thiệu bài

Ở các tiết học trước, các em đã tìm ý và lập dàn ý cho bài văn viết thư, luyện tập viết lời chào và đoạn văn mở đầu, lời chúc ở phần kết thúc, viết nội dung chính của một bức thư thăm hỏi. Hôm nay, dựa trên kết quả luyện tập ở những tiết học trước, các em sẽ viết một bức thư thăm hỏi người thân (hoặc thầy cô, bạn bè, một người khác). Các em có thể lựa chọn 1 trong 2 đề sau để viết nhé!

2. HĐ 1: Chuẩn bị (thực hiện nhanh)

– GV mời 2 HS nối tiếp nhau đọc đề bài và phần lưu ý; cả lớp đọc thầm theo.

– GV hỏi một số HS:

+ *Em định viết thư cho ai?* (Ông bà hoặc cô bác ở xa; bạn ở nơi khác mà em quen trong dịp nghỉ hè; bạn học cũ đã theo bố mẹ chuyển đến một nơi khác; một bạn vừa đạt thành tích xuất sắc về học tập hoặc thể thao, văn nghệ; một bạn có hoàn cảnh khó khăn; một chủ bộ đội ở biên giới hoặc hải đảo;...).

+ *Em viết thư cho người đó để làm gì?* (Để thăm hỏi hoặc để chia vui, chia buồn, làm quen,...)

– GV nhắc HS: Sau khi viết xong, cần đọc lại để bổ sung ý hoặc sửa chữa lỗi (nếu có).

3. HĐ 2: Viết thư

– HS viết bài vào VBT (hoặc vở ô li).

– GV theo dõi, hỗ trợ HS.

– HS đọc lại bài viết, sửa lỗi, hoàn thiện bài viết.

4. Củng cố, dặn dò

GV khen ngợi, động viên HS; nhắc HS chuẩn bị trước nội dung cho tiết Góc sáng tạo: Dự án “Trái tim yêu thương”.

TRAO ĐỔI

LÒNG NHÂN ÁI

(1 tiết)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Phát triển các năng lực đặc thù

1.1. Phát triển năng lực ngôn ngữ

– Trình bày được ý kiến cá nhân về lòng nhân ái của nhân vật trong một câu chuyện đã học ở Bài 11 hoặc về biểu hiện của lòng nhân ái trong đời sống.

– Biết lắng nghe, ghi chép và trao đổi ý kiến với các bạn về lòng nhân ái.

1.2. Phát triển năng lực văn học

Biết xúc động trước tình cảm và các hoạt động thể hiện lòng nhân ái. Biết mạnh dạn bày tỏ ý kiến, cảm xúc cá nhân về lòng nhân ái.

2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất

Phát triển NL giao tiếp và hợp tác (biết trao đổi cùng các bạn, chủ động, tự nhiên, tự tin; biết cách lắng nghe, ghi chép). Bồi dưỡng PC nhân ái (yêu quý, trân trọng những người có tấm lòng nhân ái; đồng cảm với những người có hoàn cảnh khó khăn, thiệt thòi,...).

II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

1. Giới thiệu bài

Chúng ta đã được đọc, được nghe nhiều câu chuyện, bài thơ và được xem những bộ phim về lòng nhân ái. Từ những hiểu biết mà những câu chuyện, bài thơ, bộ phim ấy mang lại, trong tiết học hôm nay, chúng ta sẽ cùng trao đổi về lòng nhân ái: Thế nào là lòng nhân ái? Trong cuộc sống, lòng nhân ái được biểu hiện cụ thể như thế nào?

2. HĐ 1: Chuẩn bị (thực hiện nhanh)

- GV mời 2 HS nối tiếp nhau đọc 2 đề bài và phần *Gợi ý*; cả lớp đọc thầm theo.
- GV giao nhiệm vụ cho HS: Thảo luận nhóm, trả lời các CH sau:

(1) Đề bài yêu cầu chúng ta làm gì? Trình bày ý kiến về lòng nhân ái của nhân vật trong một câu chuyện đã học ở Bài 11 (hoặc biểu hiện của lòng nhân ái trong đời sống).

(2) Theo gợi ý, chúng ta phải làm gì? Với đề 1, chúng ta phải dựa vào một câu chuyện đã học ở Bài 11 để trình bày ý kiến về lòng nhân ái của nhân vật trong truyện. Với đề 2, chúng ta phải dựa vào sự quan sát đời sống, vốn hiểu biết cá nhân để trình bày ý kiến về biểu hiện của lòng nhân ái trong đời sống.

- GV căn cứ vào kết quả chọn đề của HS để chia nhóm cho HS trao đổi.

3. HĐ 2: Trao đổi

3.1. Trao đổi trong nhóm

- HS ngồi theo nhóm (những HS chọn cùng đề).
- HS trao đổi: Một HS nêu ý kiến; những HS khác bổ sung, góp ý.

Gợi ý nội dung trao đổi:

+ Với đề 1: Giới thiệu tên câu chuyện và các nhân vật trong câu chuyện; nêu nhận xét về tính cách của các nhân vật,...

+ Với đề 2: Giới thiệu nội dung sẽ trình bày; nêu biểu hiện của lòng nhân ái trong đời sống (nêu tình huống, cách ứng xử nhân ái, cách ứng xử không nhân ái),...

3.2. Trao đổi trước lớp

– GV mời một số HS phát biểu trước lớp (theo từng đề bài). Chú ý hướng dẫn HS ghi chép văn tắt ý kiến của bạn, những điều cần hỏi thêm hoặc trao đổi lại. Có thể kiểm tra việc ghi chép của một vài HS để rút kinh nghiệm chung cho cả lớp.

– Sau mỗi ý kiến, GV mời HS trong lớp đặt CH nếu có chi tiết các em chưa rõ và hướng dẫn các em trao đổi, nêu cảm nghĩ về bài trình bày của bạn.

– GV nhận xét, bổ sung; biểu dương HS.

BÀI ĐỌC 4

CON SỐNG LAN XA

(1 tiết)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Phát triển các năng lực đặc thù

1.1. Phát triển năng lực ngôn ngữ

– Đọc thành tiếng trôi chảy toàn bài. Phát âm đúng các từ ngữ có âm, vần, thanh mà HS địa phương dễ viết sai; ngắt nghỉ hơi đúng; thể hiện giọng đọc phù hợp với tình huống truyện và cảm xúc của nhân vật. Tốc độ đọc khoảng 85 – 90 tiếng / phút. Đọc thầm nhanh hơn học kì I.

– Hiểu nghĩa các từ ngữ trong bài. Hiểu nội dung và ý nghĩa của câu chuyện: Nói về tình yêu thiên nhiên và ý thức bảo vệ thiên nhiên.

1.2. Phát triển năng lực văn học

Biết bày tỏ sự yêu thích với một số từ ngữ hay, chi tiết giàu cảm xúc.

2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất

Góp phần phát triển NL giao tiếp và hợp tác (biết cùng các bạn thảo luận nhóm). NL tự chủ và tự học (biết tự giải quyết nhiệm vụ học tập; biết phân tích, lựa chọn và xử lý tình huống). Góp phần bồi dưỡng lòng nhân ái (tình yêu thương, sự cảm thông, thấu hiểu giữa con người với môi trường và động vật), ý thức bảo vệ môi trường.

II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

1. Giới thiệu bài

Các em đã có một tiết học vui khi được trao đổi với nhau về lòng nhân ái và những biểu hiện của lòng nhân ái trong đời sống. Hôm nay, cô (thầy) muốn giới thiệu thêm với các em một bạn nhỏ có tấm lòng nhân ái. Bạn ấy là ai? Vì sao cô (thầy) lại gọi bạn ấy là người có tấm lòng nhân ái? Các em cùng đọc và tìm hiểu truyện *Con sống lan xa* để tìm câu trả lời cho câu hỏi của cô (thầy) nhé!

2. HD 1: Đọc thành tiếng

– GV đọc mẫu truyện *Con sông lan xa*, giọng đọc trầm ấm ở những đoạn tả cảnh đẹp buổi sáng ở hồ nước; thể hiện sự hồi hộp của nhân vật “cậu bé” khi bảo em gái im lặng để đàn vịt lại gần; giọng vui tươi, hồn nhiên của bé gái khi phát hiện đàn vịt trời về hồ và niềm vui vỡ oà khi bé có hành động báo nguy cho đàn vịt; nhấn giọng phù hợp với nhân vật trong khi đọc lời kể chuyện; GV kết hợp với HS giải nghĩa từ ngữ khó (*đương, nhá, phốc,...*).

– Tổ chức cho HS luyện đọc như đã hướng dẫn ở các bài trước.

3. HD 2: Đọc hiểu

– GV mời 4 HS tiếp nối nhau đọc to, rõ 4 CH. Cả lớp đọc thầm theo.

– GV giao nhiệm vụ cho HS đọc thầm bài đọc, thảo luận nhóm theo các CH tìm hiểu bài. GV có thể chọn các biện pháp kĩ thuật khác nhau: thảo luận nhóm đôi; mảnh ghép; khăn trải bàn;...

– HS báo cáo kết quả theo một trong các biện pháp kĩ thuật khác nhau theo yêu cầu của GV (thực hiện trò chơi phòng vắng; truyền điện;...).

(1) *Tìm những hình ảnh miêu tả vẻ đẹp và sự yên bình trên hồ nước.* (Sáng sớm đàn vịt trời đi ăn đêm đã bay về bập bềnh trên hồ nước; nắng bắt đầu lên, sương mù tan dần, đã nhìn rõ đàn vịt đang bơi lại; mặt hồ lăn tăn gợn nước, óng ánh màu nắng; những cơn gió lạnh nhẹ nhàng đưa sóng đánh vào bờ; đàn vịt nhón nhờ trôi.)

(2) *Hai anh em đều muốn giữ yên lặng cho đàn vịt bơi vào gần bờ nhưng mục đích khác nhau thế nào?* (Cậu anh muốn giữ im lặng cho đàn vịt bơi sát vào bờ để bắn dễ trúng đích; còn cô em muốn giữ im lặng để được ngắm nhìn đàn vịt trời rõ hơn.)

(3) *Hãy tưởng tượng cậu bé sẽ nghĩ gì, làm gì sau những lời nói và hành động của em gái.* (HS trình bày ý kiến của mình. VD: Cậu bé sẽ cảm thấy ân hận / xấu hổ về suy nghĩ, hành động của mình. GV tôn trọng ý kiến của HS. Chú ý nghệ thuật kể chuyện của tác giả: Kết truyện mở để người đọc suy nghĩ. Từ đó, hướng HS vào suy nghĩ đúng: Cần yêu thiên nhiên và có ý thức, hành động bảo vệ môi trường, bảo vệ thiên nhiên.)

(4) *Câu chuyện giúp em hiểu thêm điều gì về lòng nhân ái?* (HS trình bày ý kiến của mình. GV phân tích để HS hiểu thông điệp của bài đọc. Chẳng hạn: Lòng nhân ái không chỉ là tình yêu thương con người mà còn là tình yêu thiên nhiên, yêu thương loài vật và ý thức, hành động cụ thể nhằm bảo vệ chúng.)

– GV mời HS nhận xét sau mỗi câu trả lời và rút ra bài học: Tình yêu dành cho thiên nhiên, ý thức bảo vệ môi trường và vật nuôi cũng là biểu hiện của lòng nhân ái.

4. HD 3: Đọc nâng cao

Chú ý cách nghỉ hơi ở giữa các câu; nhấn mạnh các từ ngữ quan trọng (thể hiện tâm lí nhân vật; cảm giác bình yên trước cảnh đẹp của thiên nhiên; niềm vui khi làm

được việc tốt, góp phần bảo vệ môi trường, loài vật). Chú ý thể hiện lời thoại phù hợp cảm xúc của nhân vật.

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

VỊ NGỮ

(1 tiết)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Phát triển năng lực ngôn ngữ

Hiểu được ý nghĩa và đặc điểm của vị ngữ; xác định được vị ngữ trong câu cho trước. Đặt được câu theo yêu cầu, tìm được vị ngữ trong câu đã đặt.

2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất

Phát triển NL tự chủ và tự học (biết tự giải quyết nhiệm vụ học tập); NL sáng tạo (biết vận dụng những điều đã học để đặt câu đúng cấu tạo và có ý nghĩa). Rèn luyện tính chăm chỉ, cẩn thận khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

A. KIỂM TRA BÀI CŨ

– GV yêu cầu HS tìm chủ ngữ trong các câu sau (Đáp án: là bộ phận câu được in đậm dưới đây):

- a) *Mấy hôm nay, **Chi** đang rất bối rối.*
- b) ***Rai-ân** là một cậu bé người Ca-na-đa.*
- c) ***Cô bé** chạy thoát về nhà gọi anh.*

– GV nhận xét, khen ngợi HS.

B. DẠY BÀI MỚI

1. Giới thiệu bài

Trong tiết học trước, các em đã tìm hiểu về chủ ngữ, đặc điểm của chủ ngữ. Trong tiết học hôm nay, chúng ta cùng tìm hiểu về vị ngữ: Vị ngữ là gì? Vị ngữ dùng để làm gì? Chúng ta cùng làm các bài tập trong SGK để tìm câu trả lời.

2. HĐ 1: Nhận xét

2.1. Tìm hiểu ý nghĩa của vị ngữ (BT 1)

- 1 HS đọc BT 1, cả lớp đọc thầm theo.
- HS thảo luận nhóm đôi, trả lời CH “*Bộ phận in đậm trong mỗi câu sau được dùng để làm gì?*”.

– HS báo cáo kết quả bằng cách hỏi – đáp; giờ thẻ hoặc ghép các thẻ từ ngữ trên bảng lớp.

– GV nhận xét, nêu đáp án đúng:

Câu	Tác dụng của bộ phận in đậm
a) Mấy hôm nay, Chi đang rất bối rối.	Miêu tả đặc điểm, trạng thái của sự vật được nêu ở chủ ngữ.
b) Rai-ân là một cậu bé người Ca-na-đa.	Giới thiệu, nhận xét về sự vật được nêu ở chủ ngữ.
c) Cô bé chạy thoát về nhà gọi anh.	Kể hoạt động của sự vật được nêu ở chủ ngữ.

2.2. Tìm hiểu dấu hiệu nhận biết vị ngữ (BT 2)

– 1 HS đọc BT 2, cả lớp đọc thầm theo.

– HS suy nghĩ (hoặc làm BT vào VBT, vở ô li), trả lời CH: *Mỗi bộ phận in đậm trả lời cho câu hỏi nào?*

– GV mời một vài HS nêu ý kiến trước lớp (hoặc lên bảng, ghép nối các bộ phận được in đậm với CH thích hợp).

– GV nhận xét, nêu đáp án đúng:

a) **Mấy hôm nay, Chi đang rất bối rối.** (Bộ phận in đậm trả lời cho CH *Thế nào?*.)

b) **Rai-ân là một cậu bé người Ca-na-đa.** (Bộ phận in đậm trả lời cho CH *Là ai?*.)

c) **Cô bé chạy thoát về nhà gọi anh.** (Bộ phận in đậm trả lời cho CH *Làm gì?*.)

3. HD 2: Rút ra bài học

– GV nói cho HS biết bộ phận in đậm trong các câu trên là vị ngữ của câu; gợi ý để HS rút ra nhận xét về vị ngữ.

– 1 – 2 HS đọc *II. Bài học*; cả lớp đọc thầm theo.

– GV nói rõ thêm về khái niệm vị ngữ, tác dụng của vị ngữ, yêu cầu HS nói (hoặc đọc) lại nội dung của *II. Bài học*.

4. HD 3: Luyện tập

4.1. Tìm vị ngữ của mỗi câu trong đoạn văn (BT 1)

– 1 – 2 HS đọc yêu cầu của BT 1 và đoạn văn.

– GV yêu cầu HS thảo luận nhóm và làm BT vào VBT.

– Các nhóm báo cáo; GV nhận xét, chốt đáp án đúng. Đáp án (vị ngữ được in đậm):

Chàng trai lên xe buýt và ngồi cạnh bà cụ đi chân đất. Cậu nhìn từ chân bà cụ sang chân mình. Đôi giày của cậu mới tinh. Cậu đã tiết kiệm tiền tiêu vật khá lâu mới mua được. Nhưng rồi cậu cúi xuống, cởi giày và ngồi xuống sàn xe.

Cậu nhấc bàn chân lạnh cóng của bà cụ lên, xỏ tất và giày vào chân bà. Bà cụ sống người, khẽ nói lời cảm ơn.

– GV chú ý: HS chỉ cần tìm được bộ phận câu trả lời cho 1 trong các CH *Là gì?, Làm gì?, Thế nào?*; bộ phận đó là vị ngữ. Vị ngữ có thể là 1 từ (VD: Đôi giày của cậu **mới tinh**). Nhưng vị ngữ thường là 1 cụm từ (VD: Cậu **nhìn từ chân bà cụ sang chân mình**.) hoặc 2 cụm từ nối với nhau (VD: Chàng trai **lên xe buýt và ngồi cạnh bà cụ đi chân đất**.).

4.2. Đặt một câu nói về lòng nhân ái. Xác định vị ngữ của câu đó (BT 2)

– GV yêu cầu HS vận dụng kiến thức về lòng nhân ái qua các bài đọc và tiết Trao đổi ở Bài 11 để đặt câu.

– HS làm bài vào VBT hoặc vở ô li: viết câu, gạch dưới vị ngữ của câu mới viết.

– HS trình bày bài làm của mình. GV chiếu bài làm của HS lên màn hình, nếu có điều kiện. Các HS khác nêu ý kiến.

– GV nhận xét, sửa lỗi câu nếu có.

GÓC SÁNG TẠO

DỰ ÁN “TRÁI TIM YÊU THƯƠNG”

(1 tiết)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Phát triển năng lực ngôn ngữ

– HS biết lập dự án từ thiện theo gợi ý bằng ngôn ngữ và hình ảnh.

– Dự án được viết rõ ràng, mắc ít lỗi chính tả, ngữ pháp. Có thể dán hình, vẽ, tô màu, trang trí cho dự án.

2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất

Phát triển NL tự chủ (viết được dự án từ thiện rõ ràng, mạch lạc, phù hợp với lứa tuổi, phù hợp với thực tế cuộc sống); NL hợp tác (biết hình dung công việc phải làm, biết phân công công việc tạo được sự gắn kết và huy động được đóng góp của các bạn trong nhóm, trong lớp); NL giải quyết vấn đề và sáng tạo (vận dụng những điều đã học để xây dựng và triển khai dự án). Bồi dưỡng PC nhân ái (tinh yêu thương, sự cảm thông, chia sẻ).

II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

1. Giới thiệu bài

Qua Bài 11, chúng ta đã hiểu thế nào là tình yêu thương, các biểu hiện khác nhau của tình yêu thương và sức mạnh của tình yêu thương. Hôm nay, cô (thầy) sẽ hướng

dẫn các em thể hiện tình yêu thương của mình qua một dự án nhỏ, phù hợp với lứa tuổi và điều kiện của chúng ta – dự án *Trái tim yêu thương*.

2. HĐ 1: Lập dự án từ thiện (BT 1)

- GV mời 2 HS đọc nối tiếp YC của BT; cả lớp đọc thầm theo.
- GV yêu cầu các nhóm (tổ) dựa vào nội dung gợi ý trong SGK để trao đổi, thảo luận về dự án từ thiện.

2.1. Thảo luận về dự án

- (1) *Tên dự án là gì?* (Tên dự án là “Trái tim yêu thương”.)
- (2) *Dự án nhằm giúp đỡ ai?* (VD: Dự án nhằm giúp đỡ các bạn nhỏ hoặc cô bác đang gặp khó khăn.) (Lưu ý: Nội dung này khác nhau giữa các nhóm. GV tôn trọng ý kiến của HS, chỉ định hướng để các em hiểu nội dung phải phù hợp với lứa tuổi và hoàn cảnh.)
- (3) *Để triển khai dự án, cần làm những gì?* (VD: Cần quyên góp sách giáo khoa, đồ dùng học tập, quần áo,... gửi tặng các bạn nhỏ hoặc cô bác đang gặp khó khăn.) (Lưu ý: Nội dung này phụ thuộc vào mục tiêu của từng dự án.)
- (4) *Thời gian thực hiện dự án.* (HS nêu khoảng thời gian thực hiện (Từ tháng... đến tháng...) hoặc xác định thời gian cụ thể (Tháng...))

2.2. Viết dự án

- Các nhóm phân công mỗi thành viên viết một phần của dự án.
- HS làm việc cá nhân: Viết nội dung được phân công vào phiếu học tập.
- Thảo luận nhóm: Các thành viên trao đổi về sản phẩm mình đã viết; cả nhóm góp ý, bổ sung; ghép các phần thành dự án hoàn chỉnh. (Có thể tổ chức theo kỹ thuật Khăn trải bàn.)
- GV theo dõi, giúp đỡ HS.

3. HĐ 2: Giới thiệu, bình chọn dự án (BT 2)

- GV mời một số HS đại diện cho nhóm giới thiệu dự án của nhóm mình (GV chiếu bài làm của từng nhóm (nếu có điều kiện) hoặc dùng viên nam châm gắn bài làm của HS lên bảng.)
 - Các bạn trong lớp nhận xét, bình chọn dự án có ý nghĩa thiết thực, có nội dung phù hợp.
 - HS gắn sản phẩm lên góc sáng tạo của lớp / tổ.
 - GV khen ngợi, biểu dương HS.
- Ví dụ về dự án:

Dự án Cùng bạn học trực tuyến

1. Tên dự án: *Cùng bạn học trực tuyến.*

2. Lập và thực hiện dự án: Học sinh Trường Tiểu học Ngô Gia Tự, Hà Nội.

3. Đối tượng được giúp đỡ: Học sinh nghèo, có hoàn cảnh khó khăn tại... .

4. Công việc cần làm

Quyên góp 30 điện thoại thông minh, 20 máy tính đã qua sử dụng có thể kết nối Internet.

5. Thời gian thực hiện dự án: Từ tháng 3 năm 2020 đến tháng 10 năm 2020.

TỰ ĐÁNH GIÁ

(HS thực hiện ở nhà)

1. HS làm BT ở mục A vào VBT, sau đó tự nhận xét điểm ở cuối bài (mục B).

2. Đáp án BT mục A:

Câu 1 (1 điểm): c

Câu 2 (1 điểm): d

Câu 3 (1 điểm): b

Câu 4 (2 điểm): Vị ngữ trong mỗi câu dưới đây được in đậm:

a) Bông hoa **toả hương thơm ngát.**

b) Mặt Trời **mỉm cười với hoa.**

Câu 5 (5 điểm): HS tự làm.

3. Tự nhận xét:

GV hướng dẫn HS tự cho điểm, sau đó tự nhận xét:

1) Em đạt yêu cầu ở mức nào (giỏi, khá, trung bình hay chưa đạt)?

Gợi ý:

a) Giỏi: từ 9 đến 10 điểm.

b) Khá: từ 7 đến 8 điểm.

c) Trung bình: từ 5 đến 6 điểm.

d) Chưa đạt: dưới 5 điểm.

2) Em cần cố gắng thêm về mặt nào?

– Kỹ năng đọc hiểu.

– Kiến thức về vị ngữ của câu.

– Kỹ năng viết: dùng từ, viết câu, viết đoạn văn.

Em cần phải làm gì để có kiến thức, kỹ năng tốt hơn?

BÀI 12: NHỮNG NGƯỜI DŨNG CẢM CHIA SẺ VỀ CHỦ ĐIỂM

(15 phút)

1. Quan sát tranh, đoán nội dung bài đọc

- GV gắn / chiếu lên bảng CH 1 và 3 tranh minh họa bài đọc.
- HS thảo luận nhóm đôi, thống nhất cách trả lời.
- GV mời 2 – 3 HS phát biểu ý kiến. HS chưa cần nói đúng hoàn toàn; những HS phát biểu sau có thể bổ sung ý cho HS phát biểu trước để gần với nội dung bài đọc hơn. Đại ý:

- + Tranh 1: Bài đọc nói về lòng dũng cảm trong chiến đấu.
- + Tranh 2: Bài đọc nói về lòng dũng cảm trong lao động.
- + Tranh 3: Bài đọc nói về lòng dũng cảm trong bảo vệ lẽ phải.

2. Trao đổi về một số biểu hiện của lòng dũng cảm ở HS

- GV mời 1 hoặc một số HS đọc CH 2; cả lớp đọc thầm theo.
- HS thảo luận nhóm đôi, trả lời CH 2.
- GV điều khiển thảo luận (có thể chỉ định một HS điều khiển).
- Người điều khiển mời một số HS trả lời CH 2. Sau mỗi ý kiến, có thể mời HS khác bổ sung.
- Một số ý kiến trả lời:
 - + Khi thấy bản thân mình mắc lỗi: tự nhận lỗi / không đổ lỗi cho người khác / xin lỗi / ...
 - + Khi thấy bạn làm điều sai trái: góp ý với bạn / ngăn bạn làm điều sai trái / ...
 - + Khi thấy cần bảo vệ lẽ phải: thẳng thắn nói lên ý kiến của mình.

3. Giáo viên giới thiệu chủ điểm và Bài đọc 1

Bài 12 này sẽ giúp các em hiểu rõ hơn về lòng dũng cảm và biết một số tấm gương dũng cảm. Trước hết, hôm nay, cô (thầy) và các em sẽ tìm hiểu *Bài thơ về tiểu đội xe không kính*. Bài thơ nói về lòng dũng cảm của các chiến sĩ lái xe trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của dân tộc ta. Các chiến sĩ đã vượt mọi khó khăn, nguy hiểm, quyết tâm đưa hàng hoá, vũ khí vào chiến trường, góp phần làm nên chiến thắng lừng lẫy của dân tộc.

BÀI THƠ VỀ TIẾU ĐỘI XE KHÔNG KÍNH

(55 phút)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**1. Phát triển các năng lực đặc thù****1.1. Phát triển năng lực ngôn ngữ**

– Đọc thành tiếng trôi chảy toàn bài. Phát âm đúng các từ ngữ có âm, vần, thanh mà HS địa phương dễ viết sai. Ngắt nghỉ hơi đúng. Thể hiện được tình cảm, cảm xúc phù hợp với nội dung bài đọc. Tốc độ đọc khoảng 85 – 90 tiếng / phút. Đọc thầm nhanh hơn học kì I.

– Hiểu nghĩa của từ được chú giải và của các từ ngữ khác trong bài. Hiểu nội dung và ý nghĩa của bài đọc: Ca ngợi lòng dũng cảm và tinh thần lạc quan của các chiến sĩ trẻ lái xe trên đường Trường Sơn, một lực lượng tiêu biểu cho thế hệ trẻ Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

1.2. Phát triển năng lực văn học

Hiểu và cảm nhận được vẻ đẹp của hình ảnh người chiến sĩ trong bài thơ.

2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất

Phát triển NL giao tiếp và hợp tác (biết cùng các bạn thảo luận nhóm); NL tự chủ và tự học (trả lời đúng các CH đọc hiểu). Bồi dưỡng PC yêu nước (biết ơn và kính trọng những chiến sĩ dũng cảm trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc).

II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**1. Giới thiệu bài**

GV nói lời giới thiệu chủ điểm và bài đọc (như đã hướng dẫn ở trang 30).

2. HD 1: Đọc thành tiếng

– GV đọc mẫu. Giọng đọc toàn bài hào hùng, sôi nổi, vui tươi.

– GV hướng dẫn HS giải nghĩa từ ngữ khó (*tiểu đội, ung dung, sa, ...*) và những từ ngữ khác HS chưa hiểu (nếu có).

– Tổ chức cho HS luyện đọc: HS đọc tiếp nối từng đoạn trước lớp. GV chỉ định một HS đầu bàn (hoặc đầu dãy) đọc, sau đó lần lượt từng em đứng lên đọc tiếp nối đến hết bài. Khi theo dõi HS đọc, GV sửa lỗi phát âm, uốn nắn tư thế đọc cho HS; nhắc các em nghỉ hơi dài hơn giữa các khổ thơ, giọng đọc thể hiện tình cảm, cảm xúc phù hợp.

3. HD 2: Đọc hiểu

– GV mời 5 HS tiếp nối nhau đọc to, rõ 5 CH. Cả lớp đọc thầm theo.
– GV giao nhiệm vụ cho HS đọc thầm bài đọc, thảo luận nhóm theo các CH tìm hiểu bài. GV có thể chọn các biện pháp kĩ thuật khác nhau: thảo luận nhóm đôi, Mảnh ghép, Khăn trải bàn,...

– HS báo cáo kết quả. GV có thể chọn các biện pháp kĩ thuật khác nhau: thực hiện trò chơi phỏng vấn, truyền điện,...

– Đáp án:

(1) *Các chiến sĩ trong bài thơ làm nhiệm vụ gì?* (HS dựa vào nội dung và hình ảnh minh họa trong bài đọc phát biểu: các chiến sĩ làm nhiệm vụ lái xe đưa hàng hoá, vũ khí vào chiến trường. GV có thể bổ sung thông tin: Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, các chiến sĩ lái xe đã vượt qua khó khăn, gian khổ và bom đạn ác liệt trên đường Trường Sơn để đưa hàng hoá, vũ khí vào chiến trường.)

(2) *Những chiếc xe của họ có gì khác thường? Vì sao?* (Những chiếc xe của họ đều không có kính. Vì bom đạn đã làm vỡ kính.)

(3) *Tìm những hình ảnh, từ ngữ nói lên khó khăn, nguy hiểm mà các chiến sĩ phải trải qua.* (Những hình ảnh đó là: xe không có kính; bom giạt, bom rung, mưa tuôn, mưa xối như ngoài trời; bom rơi.)

(4) *Thái độ của các chiến sĩ trước khó khăn, nguy hiểm được miêu tả ở mỗi khổ thơ nói lên điều gì?* (Mỗi khổ thơ nói lên một khó khăn, nguy hiểm và thái độ của người chiến sĩ trước khó khăn, nguy hiểm đó:

Khổ thơ	Khó khăn, nguy hiểm	Thái độ của các chiến sĩ
1	bom giạt, bom rung, kính vỡ	vẫn ung dung ngồi trong buồng lái
2	gió lùa vào xe	nhìn ngắm con đường, bầu trời sao, những cánh chim
3	mưa tuôn, mưa xối vào trong xe	vẫn lái thêm trăm cây số nữa để mặc gió làm khô áo
4	bom rơi	hợp thành tiểu đội, bắt tay nhau qua cửa kính vỡ rồi (GV có thể nói thêm: địch đánh phá dữ dội các đoàn xe, đây là những chiếc xe còn sót lại tự tập hợp nhau thành tiểu đội)

GV bổ sung: Thái độ của các chiến sĩ lái xe cho thấy họ là những người lạc quan, dũng cảm, yêu nước.)

(5) *Chủ đề của bài thơ là gì?* (Bài thơ ca ngợi lòng dũng cảm và tinh thần lạc quan của các chiến sĩ lái xe.)

– GV mời HS nhận xét sau mỗi câu trả lời và nêu ý kiến của mình.

4. HĐ 3: Đọc nâng cao

- GV tập trung hướng dẫn đọc diễn cảm khổ thơ đầu:

***Không** có kính / không phải vì xe không có kính //*

*Bom giết, / bom **rung** / kính vỡ đi rồi //*

***Ung dung** / buông lái ta ngồi, //*

*Nhìn **đất**, / nhìn **trời**, / nhìn **thẳng**.*

- HS luân phiên đọc tiếp nối các đoạn.

- Thi đọc tiếp nối các đoạn trước lớp.

– GV mời một số HS đọc nối tiếp từng khổ thơ. Có thể tổ chức trò chơi để tăng tính hấp dẫn của phần Đọc nâng cao. VD: Đánh số 5 khổ thơ, một HS đọc một khổ thơ và “truyền điện” để chỉ định bạn tiếp theo đọc 1 khổ thơ bất kì.

- 1 – 2 HS khá, giỏi đọc lại toàn bài.

5. Củng cố, dặn dò

- 1 – 2 HS nhắc lại ý nghĩa của bài đọc.

- GV nhận xét giờ học, khen ngợi, biểu dương những HS học tốt.

– Nhắc HS tìm đọc một số câu chuyện, bài văn, bài thơ về lòng dũng cảm; ghi chép vào phiếu đọc sách theo yêu cầu trong SGK. Lưu ý: HS có thể tìm truyện trong sách *Truyện đọc lớp 4* (NXB Đại học Quốc gia Hà Nội).

BÀI VIẾT 1

TẢ CON VẬT

(Cấu tạo của bài văn)

(1 tiết)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Phát triển các năng lực đặc thù

1.1. Phát triển năng lực ngôn ngữ

Hiểu cấu tạo của bài văn tả con vật; qua bài văn, hình dung được một vài nét chính về con chó trắng và tình cảm của tác giả dành cho nó.

1.2. Phát triển năng lực văn học

Biết chia sẻ cảm xúc trước những hình ảnh đẹp của bài văn.

2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất

Phát triển NL giao tiếp và hợp tác (biết thảo luận nhóm về cấu tạo của bài văn tả con vật); phát triển NL tự chủ và tự học (biết tự giải quyết nhiệm vụ học tập theo yêu cầu).

II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

1. Giới thiệu bài

Trong tiết học Góc sáng tạo tuần trước, các em đã học cách viết một dự án từ thiện. Hôm nay, cô (thầy) sẽ hướng dẫn các em học cách viết bài văn tả con vật.

2. HD 1: Nhận xét

2.1. Tìm và tóm tắt nội dung các đoạn văn (BT 1)

2.1.1. Đọc bài văn “Con thỏ trắng”

- GV đọc mẫu.
- 2 HS nối tiếp nhau đọc lại bài văn. Các HS khác đọc thầm theo.

2.1.2. Tìm các đoạn văn và nêu nội dung tóm tắt của từng đoạn văn

- GV mời 1 HS đọc to, rõ câu lệnh của BT 1. Cả lớp đọc thầm theo.
- GV giao nhiệm vụ cho HS đọc thầm bài văn, thảo luận nhóm để trả lời CH. GV có thể chọn các biện pháp kĩ thuật khác nhau: thảo luận nhóm đôi, mảnh ghép, khăn trải bàn,...

– HS báo cáo kết quả. GV có thể chọn các biện pháp kĩ thuật khác nhau: thực hiện trò chơi phỏng vấn, truyền điện,...

– Đáp án:

- + Bài văn có 4 đoạn; mỗi lần xuống dòng là hết một đoạn, bắt đầu đoạn mới.
- + Nội dung tóm tắt từng đoạn:
 - Đoạn 1 (từ đầu đến ... *khu chăn nuôi*.): giới thiệu con thỏ trắng (đối tượng miêu tả).
 - Đoạn 2 (từ *Chú thỏ có bộ lông trắng nõn*... đến ... *nghe rất tình*.): tả hình dáng (ngoại hình) của con vật.
 - Đoạn 3 (từ *Con thỏ trắng này có vẻ bạo dạn lắm*... đến ... *nhánh nhện, láu táu*.): tả tính tình, hoạt động của con vật.
 - Đoạn 4 (còn lại): nêu tình cảm, suy nghĩ của tác giả đối với con vật.

2.2. Nhận xét về cấu tạo của bài văn tả con vật (BT 2)

- GV mời 1 HS đọc to, rõ câu lệnh của BT 2. Cả lớp đọc thầm theo.
- HS dựa vào kết quả phân tích ở BT 1, trả lời CH. VD:
Bài văn tả con vật có 3 phần: mở bài, thân bài và kết bài.
 - + Phần mở bài: giới thiệu con vật.
 - + Phần thân bài: tả hình dáng, tính tình, hoạt động của con vật.
 - + Phần kết bài: nêu tình cảm, suy nghĩ của tác giả đối với con vật được tả.

3. HD 2: Rút ra bài học

- GV mời 1 – 2 HS đọc to nội dung II. *Bài học* trong SGK. Các HS khác đọc thầm theo.
- GV có thể giải thích thêm, nếu cần.

4. HD 3: Luyện tập

- GV mời 2 HS đọc to, rõ yêu cầu luyện tập. Cả lớp đọc thầm theo.
- GV hướng dẫn HS so sánh trình tự miêu tả của hai bài văn *Con thỏ trắng* và *Điều mùa trên đồng cỏ*.
 - + *Con thỏ trắng*: Tả con thỏ trong thời điểm nhất định (tả lần lượt ngoại hình, hoạt động của con thỏ trong thời điểm người viết quan sát).
 - + *Điều mùa trên đồng cỏ*: Tả theo trình tự thời gian (từ lúc đàn chim bay về đến lúc chim chong lăm tỏ, kiểm thức ăn cho chim vợ; chim non ra đời, rồi lớn lên, tập mùa).

5. Củng cố, dặn dò

- GV nhận xét tiết học (khen ngợi, động viên HS).
- Nhắc HS đọc trước, chuẩn bị cho *Bài viết 3* (Quan sát trước một con vật ở nhà, ghi lại kết quả quan sát hình dáng, hoạt động của con vật).

NÓI VÀ NGHE

KỂ CHUYỆN: CHIẾC TẤU

(1 tiết)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Phát triển các năng lực đặc thù

1.1. Phát triển năng lực ngôn ngữ

- Nghe và kể lại được câu chuyện *Chiếc tấu*.
- Lắng nghe bạn kể, biết nhận xét, đánh giá lời kể của bạn.
- Biết trao đổi cùng các bạn về nội dung câu chuyện; hiểu ý nghĩa của câu chuyện: Khen ngợi nhân vật Gioi-xơ biết tự đấu tranh với chính mình, dũng cảm trả lại vật mà cậu đã lấy và được người bán hàng cảm thông, tin cậy.

1.2. Phát triển năng lực văn học

Biết bày tỏ sự yêu thích các chi tiết thú vị trong câu chuyện.

2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất

Biết kể chuyện và trao đổi cùng các bạn chủ động, tự nhiên, tự tin; nhìn vào mắt người cùng trò chuyện. Bồi dưỡng tinh thần dũng cảm và ý thức trách nhiệm trước công việc chung.

II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

1. Giới thiệu bài

Qua hoạt động Chia sẻ mở đầu Bài 12 này, các em đã trao đổi về một số biểu hiện của lòng dũng cảm ở HS. Một trong những biểu hiện ấy là biết nhận ra lỗi lầm

của bản thân và sửa chữa lỗi lầm ấy. Câu chuyện hôm nay mà cô (thầy) kể cho các em sẽ làm rõ điều đó.

2. HD 1: Nghe kể chuyện

- HS nghe GV kể (hoặc xem video) ba lần.
- Sau lần kể thứ nhất, GV nêu CH định hướng nghe cho HS (SGK *Tiếng Việt 4*, tập hai, trang 22).

3. HD 2: Kể chuyện

3.1. Kể chuyện trong nhóm

Dựa vào tranh minh hoạ và gợi ý, HS kể lại câu chuyện trong nhóm.

3.2. Kể chuyện trước lớp

- HS xung phong kể chuyện trước lớp.
- GV có thể áp dụng một số biện pháp kĩ thuật để tiết kể chuyện sinh động (VD, thi kể chuyện giữa các tổ; trò chơi Ô cửa bí mật,...).

3.3. Trao đổi về câu chuyện

– HS xung phong trả lời các CH. GV có thể áp dụng một số biện pháp kĩ thuật để tiết kể chuyện sinh động (VD, thi kể chuyện giữa các tổ; trò chơi Ô cửa bí mật,...).

(a) *Vì sao cậu bé có cảm giác “hình như vai cậu đang rộng hơn và khoẻ hơn lên”?* (Cậu bé có cảm giác như vậy vì thấy mình đã suy nghĩ đúng, làm đúng, vượt qua chính những cảm dỗ trong lòng mình để lớn lên.)

(b) *Theo em, Gioi-xơ có điểm nào đáng quý?* (Điểm đáng quý ở Gioi-xơ là dũng cảm sửa sai. Ngay khi ngồi trên chiếc đu, cậu bé đã thấy “một nỗi kinh hoàng trào lên” vì nhận ra rằng mình đã lấy cắp chiếc tàu. Rồi cậu trào nước mắt nhớ đến mẹ đã tin tưởng cậu như thế nào. Cậu như bị ai châm kim vào người. Thế là cậu cầm cổ chạy về tiệm tạp hoá, trả chiếc tàu.)

– GV lưu ý hướng dẫn HS ghi vấn đề thắc mắc, nhận xét về lời kể, ý kiến trao đổi của bạn. Có thể kiểm tra vở ghi của một vài HS để rút kinh nghiệm chung cho cả lớp.

Sau đây là văn bản truyện:

Chiếc tàu

1. Hằng ngày, đi học về, cậu bé Gioi-xơ thường tạt vào tiệm tạp hoá của ông Đan. Ở đó có một chiếc tàu như hút lấy cậu bé.

2. Cậu nhìn quanh. Chẳng ai nhìn cậu. Thế rồi, cậu đặt cái tàu vào tay mình. Cậu chỉ muốn có cảm giác về nó thôi.

3. Bỗng Gioi-xơ thấy chân mình chuyển động, đưa cậu ra khỏi tiệm. Cậu không biết mình đang làm gì. Cậu đi về phía sân chơi, gieo mình vào một chiếc xích đu.

Một nỗi kinh hoàng trào lên: Cậu đã ăn cắp. Nhưng cậu không định bụng lấy. Ban đầu, cậu chỉ muốn sờ vào nó một tẹo...

4. Mặt Trời trượt nhanh xuống các hàng cây. Đã đến lúc phải về. Một giọt nước mắt nóng hổi lăn xuống má Gioi-xơ. Cậu nhớ cái câu mà mẹ thường nói: “Gioi-xơ, con bây giờ thực sự là một người đàn ông rồi.”. Mẹ tin cậu. Cậu như bị ai châm kim vào người...

5. Gioi-xơ nhẩy khỏi chiếc xích đu và cắm cổ chạy. Cậu dừng lại trước cửa tiệm vừa lúc ông Đan đứng ở đó. Ông mỉm cười. Nụ cười thân thiện ấy như gây khó khăn cho việc cậu sắp làm. Gioi-xơ hoang mang ít phút... Rồi đột nhiên, cậu گیر cái tàu lên:

– Ông Đan... Cháu không cố ý lấy nó.

– Cảm ơn Gioi-xơ. – Ông Đan nói và nhẹ nhàng cầm cái tàu – Ở lại giúp ông đóng cửa hàng nhé!

6. Gioi-xơ cảm thấy bàn tay của ông Đan đặt trên vai mình, tin cậy. Hình như vai cậu đang rộng hơn và khỏe hơn lên...

CA-TƠ-RIN OE-BƠ

(Phạm Việt Chương dịch)

BÀI ĐỌC 2

XÃ THÂN CỨU ĐOÀN TÀU

(1 tiết)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Phát triển các năng lực đặc thù

1.1. Phát triển năng lực ngôn ngữ

– Đọc thành tiếng trôi chảy toàn bài. Phát âm đúng các từ ngữ có âm, vần, thanh mà HS địa phương dễ viết sai. Ngắt nghỉ hơi đúng theo các dấu câu và theo nghĩa. Thể hiện được tình cảm, cảm xúc phù hợp với nội dung bài đọc. Tốc độ đọc khoảng 85 – 90 tiếng / phút. Đọc thầm nhanh hơn học kì I.

– Hiểu nghĩa của các từ ngữ trong bài. Biết tra sổ tay từ ngữ (từ điển) để hiểu nghĩa của từ khó. Trả lời được các CH về nội dung bài. Hiểu ý nghĩa của bài: Ca ngợi tấm gương dũng cảm xả thân cứu đoàn tàu của một người lái tàu.

1.2. Phát triển năng lực văn học

Phát hiện được một số chi tiết xúc động trong bài; chia sẻ được cảm xúc của mình với bạn và cô (thầy) giáo.

2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất

Phát triển NL giao tiếp và hợp tác (biết cùng các bạn thảo luận nhóm); phát triển NL tự chủ và tự học (biết tự giải quyết nhiệm vụ học tập: trả lời các CH đọc hiểu bài). Bồi dưỡng tinh thần dũng cảm và ý thức trách nhiệm.

II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

1. Giới thiệu bài

– Giao nhiệm vụ: HS đọc tên bài và quan sát hình minh họa trong bài.
– GV: Em thấy gì trong hình minh họa? (Một người đàn ông đang ngồi trên khoang lái tàu; phía trước đoàn tàu là một chiếc xe sắp sửa chạy ngang qua đường tàu.) Theo em, người đàn ông trong hình minh họa là ai? (Chắc là người đã xả thân cứu đoàn tàu.)

– GV: Các em nói rất đúng. Hôm trước, chúng ta đã học *Bài thơ về tiểu đội xe không kính* nói về gương dũng cảm trong chiến đấu. Bài đọc hôm nay sẽ kể cho các em về một tấm gương dũng cảm trong lao động. Người mà các em thấy trong bức ảnh là ông Trương Xuân Thức, một người lái tàu. Các em hãy đọc bài *Xả thân cứu đoàn tàu* để biết câu chuyện về người lái tàu dũng cảm này nhé.

2. HD 1: Đọc thành tiếng

– GV đọc mẫu bài *Xả thân cứu đoàn tàu*. Ba đoạn đầu đọc với giọng hồi hộp. Đoạn 4 đọc với giọng trang trọng, ngợi ca.
– GV tổ chức cho HS luyện đọc như đã hướng dẫn ở các bài trước.

3. HD 2: Đọc hiểu

– GV mời 4 HS tiếp nối nhau đọc to, rõ 4 CH trong SGK. Cả lớp đọc thầm theo.
– GV giao nhiệm vụ cho HS đọc thầm bài đọc, thảo luận nhóm theo các CH tìm hiểu bài. GV có thể chọn các biện pháp kĩ thuật khác nhau: thảo luận nhóm đôi, mảnh ghép, khăn trải bàn,...

– HS báo cáo kết quả. GV có thể chọn các biện pháp kĩ thuật khác nhau: thực hiện trò chơi phỏng vấn, mảnh ghép, khăn trải bàn,...

(1) *Tìm trong bài đọc trên các phần sau: mở đầu, nội dung chính, kết thúc.* (Phần mở đầu: từ đầu đến ... kéo còi liên tục để cảnh báo; Phần nội dung chính: từ *Bỗng phía trước có một chiếc xe ben...* đến ... hơn 300 hành khách được bình an; Phần kết thúc: câu cuối bài.)

(2) *Tìm những chi tiết cho thấy ông Thức đã chủ động đề phòng tai nạn.* (Khi tàu bắt đầu đến khúc quanh có đường bộ cắt ngang, ông Thức đã kéo còi liên tục. Khi phát hiện ra chiếc xe ben chạy đến gần đường sắt, ông Thức kéo còi và khoá máy để tàu dừng lại từ từ.)

(3) Ông Thức đã chấp nhận hi sinh để cứu đoàn tàu như thế nào? (Ông Thức bất chấp nguy hiểm cho bản thân, liều mình ghi chặt lấy cần hãm khẩn cấp; nhờ thế mà hơn 300 hành khách trên tàu được bình an.)

(4) Tầm Huân chương Dũng cảm thể hiện sự đánh giá như thế nào của Nhà nước và Nhân dân về người lái tàu Trương Xuân Thức? (Tầm Huân chương thể hiện sự đánh giá rất cao của Nhà nước và Nhân dân về người lái tàu dũng cảm Trương Xuân Thức. / Tầm Huân chương thể hiện sự đánh giá rất cao của Nhà nước và nhân dân về lòng dũng cảm của người lái tàu Trương Xuân Thức. / Tầm Huân chương là sự tôn vinh người lái tàu dũng cảm Trương Xuân Thức. /...)

– GV: Câu chuyện các em học hôm nay kể lại tầm gương dũng cảm của ông Trương Xuân Thức – một người lái tàu. Nhờ sự xả thân của ông Thức mà hơn 300 hành khách trên tàu được bình an.

4. HD 3: Đọc nâng cao

Đọc diễn cảm: Ở lớp 4, HS mới học cách đọc diễn cảm; do đó, GV chỉ nên tập trung hướng dẫn đọc diễn cảm một đoạn (Không nên đọc đoạn 3 để tránh gây cho HS ấn tượng nặng nề về tai nạn giao thông). VD, đọc diễn cảm đoạn 2:

Bỗng phía trước / có một chiếc xe ben tiến lại / gần đường sắt. // Ngay lập tức, / ông Thức kéo còi và khoá máy / để tàu dừng lại từ từ. // Thấy chiếc xe ben lùi, / ông tưởng lái xe đã nghe thấy còi tàu. // Nhưng khi tàu chỉ còn cách vài chục mét, / chiếc xe ben đột nhiên rồ máy / lao qua đường.

– Một số HS đọc diễn cảm đoạn văn.

– Tổ chức cho HS đọc lại bài đọc (bằng những hình thức khác nhau như: trò chơi, thi đọc,...).

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

LUYỆN TẬP VỀ VỊ NGỮ

(1 tiết)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Phát triển năng lực ngôn ngữ

Nhận biết được vị ngữ trong câu và ý nghĩa của chúng; biết viết câu có vị ngữ để giới thiệu, nêu hoạt động hoặc miêu tả đặc điểm, trạng thái của sự vật.

2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất

Phát triển NL giao tiếp và hợp tác (biết thảo luận nhóm để thực hiện bài tập); NL tự chủ và tự học (biết vận dụng kiến thức về vị ngữ để đặt câu).

II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

1. Giới thiệu bài

Ở Bài 11, các em đã được học và luyện tập về vị ngữ. Hôm nay, chúng ta sẽ tiếp tục luyện tập về thành phần quan trọng này của câu nhé.

2. HD 1: Tìm vị ngữ trong câu (BT 1)

- GV mời 1 HS đọc BT 1.
- HS làm việc độc lập (viết vào VBT hoặc phiếu học tập) để giải BT.
- GV mời 1 – 2 HS giải BT trước lớp. Đáp án (vị ngữ được in đậm):

a) **Lương Định Của là một nhà nông học xuất sắc và là cha đẻ của nhiều giống cây trồng mới... Ông là người đầu tiên ứng dụng một cách sáng tạo các kĩ thuật canh tác của nước ngoài vào việc trồng lúa ở Việt Nam.**

b) **Mặt hồ lăn tăn gợn nước, óng ánh màu nắng. Những cơn gió lạnh nhẹ nhàng đưa sóng đánh vào bờ. Đàn vịt vẫn nhởn nhơ trôi... Cô bé cất tiếng cười giòn tan. Chuối cười lan lan theo sóng nước, vang đi thật xa.**

3. HD 2: Xác định ý nghĩa của các vị ngữ (BT 2)

- GV mời 1 HS đọc BT 2.
- HS làm việc độc lập (viết vào VBT hoặc phiếu học tập) để giải BT.
- GV mời 1 – 2 HS giải BT trước lớp (Có thể tổ chức dưới hình thức trò chơi).
- Đáp án:

a) Vị ngữ giới thiệu, nhận xét về sự vật được nêu ở chủ ngữ: *là một nhà nông học xuất sắc và là cha đẻ của nhiều giống cây trồng mới; là người đầu tiên ứng dụng một cách sáng tạo các kĩ thuật canh tác của nước ngoài vào việc trồng lúa ở Việt Nam.*

b) Vị ngữ kể hoạt động của sự vật được nêu ở chủ ngữ: *cất tiếng cười giòn tan.*

c) Vị ngữ miêu tả đặc điểm, trạng thái của sự vật được nêu ở chủ ngữ: *lăn tăn gợn nước, óng ánh màu nắng; nhẹ nhàng đưa sóng đánh vào bờ; vẫn nhởn nhơ trôi; lan lan theo sóng nước, vang đi thật xa.*

4. HD 3: Đặt câu theo yêu cầu (BT 3)

- GV mời 1 HS đọc BT 3.
- HS làm việc độc lập (viết vào VBT hoặc phiếu học tập) để giải BT.
- GV mời một vài HS đọc câu các em viết trước lớp (Có thể tổ chức dưới hình thức thi giữa các nhóm). VD về đáp án:

a) Câu giới thiệu đoàn tàu: *Đây là đoàn tàu Thống Nhất.*

b) Câu kể hoạt động của người soát vé: *Người soát vé đang kiểm tra vé của hành khách trước khi lên tàu. / Câu kể hoạt động của hành khách đi tàu: Khách đang đưa vé cho người soát vé kiểm tra.*

c) Câu miêu tả đặc điểm của đoàn tàu: *Đoàn tàu rất dài. / Câu miêu tả đặc điểm của cảnh đẹp hai bên đường: Cảnh hai bên đường tàu rất đẹp.*

TRẢ BÀI VIẾT THƯ THĂM HỎI

(1 tiết)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**1. Phát triển năng lực đặc thù****1.1. Phát triển năng lực ngôn ngữ**

Dựa vào nhận xét và hướng dẫn của GV, HS nhận biết được ưu điểm và nhược điểm trong bài viết của bản thân, tự sửa được các lỗi về bố cục bài văn, chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.

1.2. Phát triển năng lực văn học

Biết thể hiện lại một số ý trong bài văn để có một số câu văn sinh động, gợi cảm hơn.

2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất

Phát triển NL tự chủ và tự học (biết cách sửa lỗi trong bài văn); NL sáng tạo (biết lựa chọn, thay thế một số từ ngữ để bài viết hay hơn). Bồi dưỡng PC chăm chỉ, trách nhiệm (nhận xét, phát hiện những chi tiết chưa đúng hoặc chưa hay, điều chỉnh một số chi tiết để hoàn thiện bài viết, có ý thức cẩn thận hơn khi làm bài).

II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

1. Giới thiệu bài: GV giới thiệu YCCĐ của tiết trả bài viết.

2. HĐ 1: Nghe nhận xét chung về bài làm của lớp

– GV nêu lên nhận xét chung về bài làm của các HS trong lớp: Ưu điểm và hạn chế phổ biến ở các bài làm của HS trong lớp là gì (VD, về cấu tạo và nội dung của bức thư; cách sử dụng từ ngữ, cách viết câu, cách xuống dòng tách đoạn; về chính tả,...)?

+ Nhận xét về cấu tạo của bức thư: Bức thư có đủ 3 phần chưa? Cấu tạo của mỗi phần như thế nào?

+ Nhận xét về nội dung của bức thư: Nội dung thăm hỏi người nhận thư và thông tin về bản thân người viết thư có phù hợp với tình huống giao tiếp và quan hệ giữa người viết thư với người nhận thư không? Bức thư đã thể hiện được tình cảm của người viết thư với người nhận thư chưa?

– HS nghe GV nhận xét, có thể đặt CH (nếu chưa rõ).

– GV tuyên dương những HS tiến bộ; chọn đọc 1 – 2 bức thư (hoặc đoạn văn) hay.

3. HĐ 2: Sửa bài cùng cả lớp

– GV hướng dẫn HS sửa một số lỗi tiêu biểu để rút kinh nghiệm (lỗi về bố cục và nội dung của bức thư; về cách dùng từ, đặt câu, chính tả,...).

– HS tham gia sửa lỗi. GV nhận xét, nêu cách sửa hoặc phương án phù hợp nhất.

4. HD 3: Tự sửa bài

- GV trả bài viết cho từng HS.
- HS xem bài viết và sửa các lỗi đã được GV chỉ ra trong bài viết; có thể viết lại một đoạn văn (sắp xếp lại ý, sửa cách diễn đạt, thay thế từ ngữ,...) cho hay hơn.

5. HD 4: Đổi bài cho bạn để kiểm soát việc sửa lỗi

- HS làm việc nhóm đôi: đổi bài viết (đã sửa), góp ý để bạn hoàn thiện bài viết.
- GV mời 1 – 2 HS báo cáo kết quả sửa bài. GV có thể mời HS khác nêu ý kiến; GV nhận xét, bổ sung ý kiến để HS tiếp tục hoàn thiện bài viết (nếu cần).

BÀI ĐỌC 3

SỰ THẬT LÀ THƯỚC ĐO CHÂN LÍ

(2 tiết)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Phát triển các năng lực đặc thù

1.1. Phát triển năng lực ngôn ngữ

– Đọc thành tiếng trôi chảy toàn bài. Phát âm đúng các từ ngữ có âm, vần, thanh mà HS địa phương dễ viết sai. Ngắt nghỉ hơi đúng. Thể hiện được tình cảm, cảm xúc phù hợp với nội dung bài đọc. Tốc độ đọc khoảng 85 – 90 tiếng / phút. Đọc thầm nhanh hơn học kì I.

– Biết tra sổ tay từ ngữ (từ điển) để hiểu nghĩa của các từ ngữ khó trong bài (*lập luận, kinh viễn vọng, ủng hộ,...*). Hiểu nội dung và ý nghĩa của bài đọc: Bài đọc ca ngợi nhà bác học Ga-li-lê đã dũng cảm bảo vệ chân lí, dũng cảm sửa đổi sai lầm của mình.

1.2. Phát triển năng lực văn học

Hiểu ý nghĩa của những chi tiết tiêu biểu trong bài đọc.

2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất

Phát triển NL giao tiếp và hợp tác (biết cùng các bạn thảo luận nhóm); NL tự chủ và tự học (trả lời đúng các CH đọc hiểu). Biết giá trị của sự thật, của thí nghiệm; có ý thức bảo vệ sự thật, bảo vệ lẽ phải.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

Sổ tay từ ngữ Tiếng Việt 4 (NXB Đại học Huế) hoặc *Từ điển tiếng Việt*.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

1. Giới thiệu bài

Qua hai bài đọc ở tuần trước (*Bài thơ về tiểu đội xe không kính* và *Xã thân cứu đoàn tàu*), các em đã được học về những tấm gương dũng cảm trong chiến đấu và

trong lao động. Bài đọc hôm nay sẽ kể cho các em về tấm gương dũng cảm của một nhà khoa học: ông Ga-li-lê.

2. HD 1: Đọc thành tiếng

– GV đọc mẫu. Giọng đọc phù hợp với nội dung câu chuyện: khoan thai, rảnh rỗi, thể hiện thái độ kiên định của nhân vật chính – nhà thiên văn học Ga-li-lê.

– Mời 1 – 2 HS đọc và giải thích các tên riêng trong bài: Ga-li-lê, A-ri-xtốt, Pi-sa, Cô-pec-ních.

– Tổ chức cho HS làm việc nhóm đôi, tra cứu 1 – 2 từ trong bài để luyện tập cách tra từ điển (*Sổ tay từ ngữ Tiếng Việt 4*, VD: *lập luận, kinh viễn vọng, ủng hộ, ...*).

– Tổ chức cho HS luyện đọc như đã hướng dẫn ở các bài trước.

3. HD 2: Đọc hiểu

– GV mời 5 HS tiếp nối nhau đọc to, rõ 5 CH. Cả lớp đọc thầm theo.

– GV giao nhiệm vụ cho HS đọc thầm bài đọc, thảo luận nhóm theo các CH tìm hiểu bài. GV có thể chọn các biện pháp kỹ thuật khác nhau: thảo luận nhóm đôi, mảnh ghép, khăn trải bàn,...

– HS báo cáo kết quả. GV có thể chọn các biện pháp kỹ thuật khác nhau: thực hiện trò chơi phỏng vấn, truyền điện,...

– Đáp án:

(1) Vì sao Ga-li-lê quyết định làm thí nghiệm về tốc độ rơi của các vật? (Vì ông không tin là vật nặng rơi nhanh hơn vật nhẹ.)

(2) Nhờ đâu mà ông đã đạt được kết quả nghiên cứu sau lần thất bại đầu tiên? (Nhờ ông không nản chí mà kiên trì làm lại thí nghiệm nhiều lần.)

(3) Thí nghiệm của Ga-li-lê về tốc độ rơi của các vật cho thấy ông là người như thế nào? (Ông là người dũng cảm, biết nghi ngờ cả kết luận của một nhà khoa học vĩ đại như A-ri-xtốt; Ông là người kiên trì, làm đi làm lại thí nghiệm cho đến khi hiểu rõ vấn đề.)

(4) Vì sao từ chỗ phản đối lý thuyết của Cô-pec-ních, Ga-li-lê lại tán thành ý kiến của nhà bác học này? (Vì quan sát qua kính viễn vọng, ông thấy Cô-pec-ních đúng.)

(5) Việc Ga-li-lê thừa nhận sai lầm của mình và kiên quyết bảo vệ lý thuyết của Cô-pec-ních nói lên điều gì về ông? (Ông là người dũng cảm, khi thấy mình sai thì sẵn sàng sửa chữa sai lầm và khi đã nhận ra chân lý (lẽ phải) thì kiên quyết bảo vệ chân lý. GV có thể nói: Ông là người dũng cảm và cầu thị (tôn trọng sự thật, sẵn sàng sửa chữa sai lầm).)

– GV mời HS nhận xét sau mỗi câu trả lời và nêu ý kiến của mình về ý nghĩa của bài đọc (Bài đọc ca ngợi tấm gương dũng cảm của nhà khoa học Ga-li-lê: Ông dám nghi ngờ và kiểm tra lại kết luận mà ai cũng tin là đúng; dám vượt qua thất bại ban đầu để tìm ra chân lý; dám thừa nhận sai lầm của bản thân; dám bảo vệ chân lý.)

4. HD 3: Đọc nâng cao

GV tổ chức cho HS luyện đọc như đã hướng dẫn ở các bài trước. Tập trung hướng dẫn đọc diễn cảm một số câu và đoạn:

+ *Ga-li-ê bị đưa ra toà xét xử, / buộc phải từ bỏ ý kiến của mình. // Nhưng vừa bước chân ra cửa toà án, / ông đã **bực tức** nói to: //* (Giọng rần rôi.)

– *Dù sao / thì Trái Đất vẫn **quay!** //* (Giọng khẳng định mạnh mẽ.)

*Ga-li-lê phải trải qua những năm tháng cuối đời / trong cảnh **tù đầy.** // Nhưng cuối cùng, / lẽ phải đã **thắng.** // Tư tưởng của hai nhà bác học **dũng cảm** / Cô-pec-ních và Ga-li-lê / đã trở thành **chân lí** giản dị / trong đời sống ngày nay. (Câu đầu đọc với giọng trầm lắng. Các câu còn lại đọc với giọng khẳng định mạnh mẽ.)*

– GV mời một số HS đọc nối tiếp từng đoạn trong bài đọc. Có thể tổ chức trò chơi (Ô cửa bí mật, Hộp quà, Truyền điện,...) để tăng tính hấp dẫn.

5. Củng cố, dặn dò

– GV nhận xét giờ học, khen ngợi, biểu dương những HS học tốt.

– Nhắc HS chuẩn bị cho tiết Trao đổi: *Em đọc sách báo* (đọc một số câu chuyện, bài văn, bài thơ, bài báo về lòng dũng cảm). Lưu ý: HS có thể tìm truyện trong sách *Truyện đọc lớp 4* (NXB Đại học Quốc gia Hà Nội).

BÀI VIẾT 3

LUYỆN TẬP TẢ CON VẬT

(Quan sát)

(1 tiết)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Phát triển các năng lực đặc thù

1.1. Phát triển năng lực ngôn ngữ

Biết quan sát con vật để chuẩn bị viết bài văn tả con vật.

1.2. Phát triển năng lực văn học

Cảm nhận được những hình ảnh so sánh, nhân hoá đẹp trong bài văn tả con vật.

2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất

Phát triển NL giao tiếp và hợp tác (biết thảo luận nhóm về cách quan sát và miêu tả con vật); NL tự chủ và tự học (tự giải quyết nhiệm vụ học tập: biết quan sát và ghi lại kết quả quan sát). Bồi dưỡng PC nhân ái (tình yêu thiên nhiên).

II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

1. Giới thiệu bài

Trong tiết học trước, các em đã được hướng dẫn về cấu tạo của bài văn tả con vật. Hôm nay, cô (thầy) sẽ hướng dẫn các em cách quan sát để chuẩn bị viết bài văn tả con vật nhé.

2. HD 1: Đọc và trả lời CH (BT 1)

– GV mời 2 HS đọc bài văn *Đàn chim gáy* (mỗi HS đọc một nửa bài); cả lớp đọc thầm theo. GV hướng dẫn HS giải nghĩa một số từ khó (*tạp dề, vắn quanh,...*).

– HS làm việc nhóm để trả lời các CH. GV có thể chọn các biện pháp kĩ thuật khác nhau: thảo luận nhóm đôi, mảnh ghép, khăn trải bàn,...

– HS báo cáo kết quả. GV có thể chọn các biện pháp kĩ thuật khác nhau: thực hiện trò chơi phòng vấn, Mảnh ghép, Khăn trải bàn,...

– Đáp án:

(a) *Tác giả miêu tả những đặc điểm nổi bật nào về hình dáng con chim gáy? Để miêu tả được đúng, tác giả đã quan sát bằng cách nào?* (Những đặc điểm nổi bật về hình dáng con chim gáy: béo nục; đôi mắt nâu trầm ngâm, ngơ ngác; bụng mìn mướt; cổ như quàng chiếc yếm có chuỗi hạt cườm.

Cách quan sát của tác giả: quan sát bằng mắt (thị giác).)

(b) *Tác giả miêu tả những đặc điểm nổi bật nào về thói quen và hoạt động của con chim gáy? Để miêu tả được đúng, tác giả đã quan sát bằng những cách nào?* (Những đặc điểm nổi bật về thói quen và hoạt động của con chim gáy: bay về cánh đồng vào ngày mùa; bay vắn quanh trên các ngọn tre; chim mái xuống trước, xoè đuôi như múa lượn; chim đực còn nán lại ở bờ tre, cất tiếng gáy, xong mới thùng thình bước ra, uốn cái ngực lưng linh cườm biếc; cả đàn chim tha thẩn nhặt thóc sau người mót lúa.

Cách quan sát của tác giả: quan sát bằng mắt (thị giác), bằng tai (thính giác).)

(c) *Tác giả đã sử dụng các biện pháp so sánh, nhân hoá như thế nào?* (So sánh hoạt động: cái đuôi chim mái lượn xoè như múa.

Nhân hoá: gọi con chim gáy bằng từ vốn dùng để gọi người: anh chàng tả hoạt động, tính nết của con chim gáy bằng từ vốn dùng để tả người: *đứng đĩnh, thùng thình, uốn ngực; tha thẩn, nhặt nhanh cặm cụi, phúc hậu, chăm chỉ.*)

3. HD 2: Quan sát con vật (BT 2)

– HS thảo luận nhóm: Nói lại kết quả quan sát ở nhà, dựa vào các gợi ý của SGK để bổ sung nhận xét cho nhau.

– GV có thể hỗ trợ HS bằng cách chiếu lên màn hình video về một số con vật quen thuộc.

– HS báo cáo kết quả. GV có thể chọn các biện pháp kĩ thuật như: phòng vấn, thi đua.

TRAO ĐỔI: EM ĐỌC SÁCH BÁO

(1 tiết)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Phát triển các năng lực đặc thù

1.1. Phát triển năng lực ngôn ngữ

– Nhớ nội dung, giới thiệu được câu chuyện (hoặc bài thơ, bài văn, bài báo) đã đọc ở nhà phù hợp với chủ điểm dùng cảm.

– Lắng nghe bạn kể (đọc), biết ghi chép, nhận xét, đánh giá lời kể và ý kiến trao đổi của bạn.

– Biết trao đổi cùng các bạn về câu chuyện (hoặc bài thơ, bài văn, bài báo).

1.2. Phát triển năng lực văn học

Biết bày tỏ sự yêu thích các chi tiết thú vị trong câu chuyện, các câu thơ hay.

2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất

Biết cách giới thiệu câu chuyện (hoặc bài thơ, bài văn, bài báo), biết trao đổi cùng các bạn một cách chủ động, tự nhiên, tự tin; biết cách lắng nghe, ghi chép và trao đổi ý kiến. Có thói quen tự đọc sách.

II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

1. Giới thiệu bài

Trong tiết luyện nói và nghe hôm nay, các em sẽ giới thiệu một câu chuyện hoặc đọc lại một bài thơ, bài văn, bài báo mà các em đã đọc ở nhà về lòng dũng cảm. Sau đó, chúng ta sẽ cùng trao đổi về câu chuyện hoặc bài thơ, bài văn, bài báo mà các em đã giới thiệu.

2. HD 1: Chuẩn bị

– HS bày trên bàn quyển sách, tờ báo,... có câu chuyện, bài thơ, bài văn, bài báo mà các em sẽ giới thiệu.

– GV mời một số HS cho biết các em sẽ giới thiệu chuyện gì (bài thơ, bài văn, bài báo gì), chuyện (bài) đó nói về ai.

3. HD 2: Giới thiệu và trao đổi

3.1. Giới thiệu và trao đổi trong nhóm

– HS trao đổi trong nhóm đôi (để bảo đảm HS nào cũng được nói).

– GV theo dõi, giúp đỡ HS trao đổi; khuyến khích các em trao đổi về câu chuyện, nhân vật trong câu chuyện.

3.2. Giới thiệu và trao đổi trước lớp

– GV mời một số HS giới thiệu trước lớp. Cố gắng sắp xếp để có cả truyện kể, thơ (hoặc văn bản thông tin, văn bản miêu tả).

– Sau mỗi câu chuyện (bài thơ, bài văn, bài báo), GV mời HS trong lớp đặt CH nếu có chi tiết các em chưa rõ và hướng dẫn các em trao đổi về câu chuyện, nhân vật trong câu chuyện (nội dung bài thơ, bài văn, bài báo).

– Trong tiết học, GV cần hướng dẫn HS cách ghi chép vấn đề thắc mắc, nhận xét về lời kể và về ý kiến của bạn. Có thể kiểm tra vở ghi của một vài HS để rút kinh nghiệm chung cho cả lớp.

BÀI ĐỌC 4

NGƯỜI LÍNH DỪNG CẢM

(1 tiết)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Phát triển các năng lực đặc thù

1.1. Phát triển năng lực ngôn ngữ

– Đọc thành tiếng trôi chảy toàn bài. Phát âm đúng các từ ngữ có âm, vần, thanh mà HS địa phương dễ viết sai. Ngắt nghỉ hơi đúng theo dòng thơ, nhịp thơ và theo nghĩa. Tốc độ đọc khoảng 85 – 90 tiếng / phút. Đọc thầm nhanh hơn học kì I.

– Hiểu nghĩa của các từ ngữ trong bài. Biết tra sổ tay từ ngữ (từ điển) để hiểu nghĩa của từ khó. Trả lời được các CH về nội dung bài. Hiểu ý nghĩa của bài: Khen ngợi nhân vật “chú lính nhỏ” dũng cảm nhận ra khuyết điểm của mình, quyết tâm khắc phục hậu quả do trò chơi của mình và các bạn gây ra.

1.2. Phát triển năng lực văn học

Biết yêu thích hình ảnh đẹp của “chú lính nhỏ” trong bài đọc.

2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất

Phát triển NL giao tiếp và hợp tác (biết cùng các bạn thảo luận nhóm); phát triển NL tự chủ và tự học (biết tự giải quyết nhiệm vụ học tập: trả lời các CH đọc hiểu trong bài). Góp phần bồi dưỡng ý thức tự giác, trách nhiệm.

II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

1. Giới thiệu bài

Các em đã được học những câu chuyện về lòng dũng cảm trong chiến đấu, trong lao động, trong khoa học và trong đấu tranh với cái xấu, cái ác. Hôm nay, chúng ta sẽ tìm hiểu câu chuyện về một bạn HS dũng cảm nhận ra khuyết điểm của mình, quyết tâm khắc phục hậu quả do mình và các bạn gây ra.

2. HĐ 1: Đọc thành tiếng

– GV đọc mẫu. Giọng đọc phù hợp với nội dung câu chuyện:

+ Đoạn 1 (từ đầu đến ... *lao ra khỏi vườn*.): giọng hào hứng, vui tươi, nghịch ngợm.

+ Đoạn 2 (từ *Giờ học hôm sau,...* đến ... *luống hoa*.): giọng thầy giáo nghiêm trang; các câu còn lại đọc với giọng hồi hộp, xen chút lo lắng.

+ Đoạn 3 (từ *Khi tất cả...* đến hết): giọng “chú lính nhỏ” và câu văn tả “chú lính nhỏ” nhẹ nhàng nhưng kiên quyết; giọng “viên tướng” dứt khoát; các câu còn lại đọc với giọng rắn rỏi.

– Tổ chức cho HS tra cứu *Sổ tay từ ngữ Tiếng Việt 4* hoặc từ điển, nếu có từ ngữ mà các em chưa hiểu.

– Tổ chức cho HS luyện đọc như đã hướng dẫn ở các bài trước.

3. HD 2: Đọc hiểu

– GV mời 5 HS tiếp nối nhau đọc to, rõ 5 CH. Cả lớp đọc thầm theo.

– GV giao nhiệm vụ cho HS đọc thầm bài đọc, thảo luận nhóm theo các CH tìm hiểu bài. GV có thể chọn các biện pháp kĩ thuật khác nhau: thảo luận nhóm đôi; mảnh ghép; khăn trải bàn;...

– HS báo cáo kết quả. GV có thể chọn các biện pháp kĩ thuật khác nhau: thực hiện trò chơi phỏng vấn; mảnh ghép; khăn trải bàn;...

– Đáp án:

(1) Em hiểu “viên tướng” và “những người lính” trong câu chuyện là ai? (Đó là các bạn nhỏ chơi đánh trận giả ở vườn trường.)

(2) Vì sao “viên tướng” không đồng ý chui qua lỗ hổng dưới chân hàng rào? (Vi “viên tướng” cho rằng chui như vậy là hèn.)

(3) Quyết định leo lên hàng rào đã gây ra hậu quả gì? (Các bạn đã làm đổ hàng rào, giập luống hoa mười giờ trong vườn trường.)

(4) Khi thấy giáo hỏi, “chú lính nhỏ” và các bạn trong “đội quân” thể hiện thái độ khác nhau như thế nào? (“Chú lính nhỏ” muốn nhận khuyết điểm, còn các bạn lại muốn giấu.)

(5) Vì sao tác giả gọi “chú lính nhỏ” là “người chỉ huy dũng cảm”? (“Chú lính nhỏ” dũng cảm vì đã nhận ra khuyết điểm của mình, quyết tâm khắc phục hậu quả do mình và các bạn gây ra. Mặc dù chú không phải là người chỉ huy như “viên tướng” nhưng việc làm của chú đã khiến cả đội bước nhanh theo chú đi sửa lại hàng rào và luống hoa, “như là bước theo một người chỉ huy dũng cảm”).

– GV mời HS nhận xét sau mỗi câu trả lời và nêu ý kiến của mình về ý nghĩa của bài đọc (Bài đọc khen ngợi nhân vật “chú lính nhỏ” dũng cảm nhận ra khuyết điểm của mình, quyết tâm khắc phục hậu quả do trò chơi của mình và các bạn gây ra.).

4. HD 3: Đọc nâng cao

Tổ chức cho HS luyện đọc như đã hướng dẫn ở các bài trước. Tập trung hướng dẫn đọc diễn cảm đoạn 3. VD:

*Khi tất cả **túa** ra khỏi lớp, / chú lính nhỏ đội viên tướng ở cửa, / nói **khẽ**: “Ra vườn đi!”. //*
*Viên tướng **khoát tay**: //*

– Về thôi! //

– Nhưng như vậy là **hèn**. //

Nói rồi, / chủ linh **quả quyết** / bước về phía vườn trường. //

Những người lính và viên tướng đứng **sững** lại, / nhìn chủ linh nhỏ. //

Rồi, / cả đội bước **nhANH** theo chủ, / như là bước theo / một người **chỉ huy** dũng cảm.

– GV mời một số HS đọc nối tiếp từng đoạn trong bài đọc. Có thể tổ chức trò chơi (Ô cửa bí mật, Hộp quà, Truyền điện,...) để tăng tính hấp dẫn.

5. Củng cố, dặn dò

– GV nhận xét tiết học, khen ngợi, biểu dương những HS học tốt.

– Nhắc HS chuẩn bị cho tiết Góc sáng tạo: *Giương dũng cảm*.

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

MỞ RỘNG VỐN TỪ: DŨNG CẢM

(1 tiết)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Phát triển các năng lực đặc thù

1.1. Phát triển năng lực ngôn ngữ

Mở rộng vốn từ: tìm được một số từ có nghĩa giống hoặc trái ngược với từ *dũng cảm*; ghép được từ *dũng cảm* vào vị trí thích hợp ở trước hoặc sau một số từ ngữ đã cho; hiểu nghĩa của một số thành ngữ về lòng dũng cảm; đặt được một câu với từ ngữ đã cho về lòng dũng cảm.

1.2. Phát triển năng lực văn học

Cảm nhận được nói súc tích mà giàu hình ảnh của thành ngữ.

2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất

Phát triển NL giao tiếp và hợp tác (biết thảo luận nhóm để hoàn thành các BT); phát triển NL tự chủ và tự học (biết tự giải quyết nhiệm vụ học tập: tìm nghĩa của thành ngữ đã cho). Bồi dưỡng ý thức về lòng dũng cảm.

II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

1. Giới thiệu bài

Trong gần hai tuần qua, các em đã được đọc và nghe nhiều câu chuyện, bài thơ về lòng dũng cảm. Hôm nay, chúng ta sẽ tìm hiểu kĩ hơn về nghĩa và cách dùng từ *dũng cảm*, nghĩa của một số thành ngữ về lòng dũng cảm. Qua bài học này, các em sẽ được mở rộng vốn từ, vốn hiểu biết và rút ra được những bài học quý để vận dụng vào đời sống.

2. HD 1: Tìm từ có nghĩa giống hoặc trái ngược với từ *dũng cảm* (BT 1)

- GV mời 1 HS đọc BT 1; các HS khác đọc thầm theo.
- GV giao nhiệm vụ cho HS thảo luận nhóm đôi, HS làm BT vào VBT hoặc phiếu BT.
- GV mời một vài HS trả lời các CH trước lớp. Các HS khác nhận xét, góp ý.
- GV nhận xét, sửa lỗi (nếu có) và nêu đáp án đúng:
 - + Các từ có nghĩa giống *dũng cảm*: gan dạ, anh hùng, anh dũng, can đảm, can trường, gan góc, bạo gan, quả cảm.
 - + Các từ có nghĩa trái ngược với *dũng cảm*: hèn, hèn nhát, nhát gan, nhút nhát.

3. HD 2: Ghép từ *dũng cảm* với từ ngữ đã cho (BT 2)

- GV mời 1 HS đọc BT 2; các HS khác đọc thầm theo.
- GV giao nhiệm vụ cho HS thảo luận nhóm đôi, HS làm BT vào VBT hoặc phiếu BT.
- GV mời một vài HS trả lời các CH trước lớp. Các HS khác nhận xét, góp ý.
- GV nhận xét, sửa lỗi (nếu có) và nêu đáp án đúng:
 - + Thêm vào phía sau từ ngữ đã cho: *tinh thần dũng cảm, hành động dũng cảm, chiến sĩ dũng cảm.*
 - + Thêm vào phía trước từ ngữ đã cho: *dũng cảm xông lên, dũng cảm nhận khuyết điểm, dũng cảm cứu bạn, dũng cảm bảo vệ bạn, dũng cảm nói lên sự thật.*

4. HD 3: Tìm hiểu nghĩa của một số thành ngữ về lòng dũng cảm (BT 3)

- GV mời một số HS đọc BT 3 (các thành ngữ ở cột A và nghĩa của chúng ở cột B).
- GV giao nhiệm vụ cho HS làm BT vào VBT hoặc phiếu BT (làm việc độc lập).
- GV mời một vài HS trả lời các CH trước lớp. Các HS khác nhận xét, góp ý.
- GV nhận xét, sửa lỗi (nếu có) và nêu đáp án đúng: a – 2; b – 3; c – 4; d – 1.

5. HD 4: Đặt câu với từ hoặc thành ngữ (BT 4)

- GV mời một số HS đọc BT 4.
- HS tự chọn đề, làm BT vào VBT hoặc phiếu BT (làm việc độc lập).
- GV mời một vài HS đọc kết quả trước lớp. Các HS khác nhận xét, góp ý.

GÓC SÁNG TẠO

GƯƠNG DŨNG CẢM

(1 tiết)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Phát triển các năng lực đặc thù

1.1. Phát triển năng lực ngôn ngữ

– Viết được đoạn văn theo 1 trong 2 đề: (a) Nêu cảm nghĩ về một nhân vật dũng cảm trong các câu chuyện em đã học ở Bài 12; b) Nêu cảm nghĩ về hành động dũng cảm của một bạn nhỏ mà em biết.

– Biết cách trình bày và tham gia thảo luận.

1.2. Phát triển năng lực văn học

Viết đoạn văn có hình ảnh, cảm xúc, thể hiện được nhận thức và tình cảm của bản thân về PC của các nhân vật trong truyện và trong cuộc sống.

2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất

Phát triển NL giao tiếp và hợp tác (biết cùng các bạn thảo luận), NL sáng tạo (viết đoạn văn có hình ảnh, cảm xúc). Có nhận thức đúng và có ý thức vận dụng những điều đã học vào cuộc sống.

II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

1. Giới thiệu bài

Sau 2 tuần học các câu chuyện, bài thơ về lòng dũng cảm, hôm nay, các em sẽ thể hiện những điều mình đã học được để viết và trình bày đoạn văn của mình về một nhân vật trong tác phẩm văn học hoặc trong cuộc sống để lại cho em ấn tượng sâu sắc về lòng dũng cảm. Cô (thầy) và các bạn đang chờ đợi để thưởng thức, thảo luận về đoạn văn của mỗi em.

2. HĐ 1: Viết đoạn văn về nhân vật hoặc hành động dũng cảm (BT 1)

– GV mời 2 HS đọc to BT 1 (1 HS đọc câu lệnh và đề a; 1 HS đọc đề b); cả lớp đọc thầm theo.

– GV mời một số HS phát biểu ý kiến, cho biết các em chọn đề nào.

– GV tạo điều kiện yên tĩnh để HS làm bài; theo dõi, trả lời thắc mắc (nếu có) của HS.

3. HĐ 2: Trình bày, thảo luận về các đoạn văn đã viết (BT 2)

– Một vài HS trình bày đoạn văn của mình trước lớp.

– GV lưu ý HS: Trước khi đọc đoạn văn, các em nên cho biết mình chọn đề nào, viết về ai. Khi đọc, cần đọc to, rõ và có những chỗ dừng lại, nhìn xuống lớp để thu hút sự chú ý của các bạn.

– VD đoạn văn về một nhân vật dũng cảm trong tác phẩm văn học:

Trong các câu chuyện, bài thơ đã học, em thích nhất nhân vật “chú linh nhò” trong truyện “Người lính dũng cảm”. Chú linh ấy nhỏ nhất trong nhóm bạn chơi trò đánh trận giả. Chú bị chê là “hèn” khi định chui qua hàng rào nửa tếp để “diệt máy bay địch” (là một con chuồn chuồn ngô). Các bạn chủ trèo qua hàng rào, đã làm đổ cái hàng rào yếu ớt và giập luống hoa mười giờ trong vườn trường. Nhưng khi thầy giáo hỏi, các bạn chủ không ai dám nhận lỗi. “Chú linh nhò” không có lỗi nhưng sau giờ